

Số : 102/GTS

Quảng Nam, ngày 25 tháng 10 năm 2019

V/v công khai thông tin cổ phần hoá đơn vị
sự nghiệp công lập trên cổng thông tin Điện
tử Chính phủ.

Kính gửi: - Cổng thông tin Điện tử Chính phủ.

Căn cứ Khoản 1, Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Để triển khai công tác cổ phần hoá theo đúng quy định của Nhà nước; Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam kính đề nghị Cổng thông tin điện tử Chính phủ công khai các thông tin sau theo công văn này:

1. Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam Về việc cổ phần hoá , lựa chọn thời điểm khoá sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

2. Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam V/v thống nhất kế hoạch cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

3. Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt Phương án sử dụng đất sau khi Cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

4. Thông báo số 41/TB-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam ngày 30/01/2019 Thông báo của Phó chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại buổi làm việc về tiến độ cổ phần hoá các đơn vị sự nghiệp công lập trên đại bàn tỉnh;

5. Công văn số 3104/UBND-KTTH ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam V/v điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đối với Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

6. Biên bản xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để cổ phần hoá;

7. Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam để thực hiện cổ phần hoá;

8. Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt phương án sử dụng lao động khi thực hiện chuyển Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam thành công ty cổ phần;

9. Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt Phương án cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

10. Phương án cổ phần hoá đã được phê duyệt.

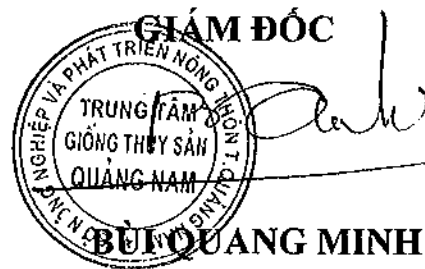
(Có danh mục bản sao văn bản có công chứng kèm theo)

Trên đây, là nội dung công khai thông tin cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam trên cổng thông tin Điện tử Chính phủ.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Bộ Tài chính (B/cáo);
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Văn phòng Chính phủ (B/cáo);
- Ban Đổi mới và PTDN tỉnh (B/cáo);
- Sở Tài chính (B/cáo);
- Trưởng Ban Chỉ đạo CPH Trung tâm (B/cáo);
- Công ty cổ phần CK Agribank chi nhánh Miền Trung (P/hợp thực hiện);
- Lưu VT.



Số: 1259/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 15 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Nhận
ngày 19/6/2018

Về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam chuyển thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Sở Tài chính – Thường trực Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 279/STC-ĐMDN ngày 07/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, thời điểm khóa sổ để xác định giá trị đơn vị thực hiện cổ phần hóa ngày 31/3/2018.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, gồm các thành viên sau:

a) Trưởng Ban: Ông Ngô Tấn, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT.

b) Các ủy viên:

- Ông Vũ Nguyễn, Phó Giám đốc Sở Tài chính;

- Ông Lưu Tấn Lại, Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

- Ông Nguyễn Thuý, Phó Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Ông Bùi Quang Minh, Giám đốc Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc cổ phần hóa theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, Trưởng Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo các bước của công việc cổ phần hóa, chịu trách nhiệm về tiến độ thời gian và kết quả thực hiện.

2. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh, có quyền và trách nhiệm như sau:

- Được sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và PTNT trong khi thực hiện nhiệm vụ.

- Thành lập Tổ giúp việc (theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

- Lựa chọn phương thức định giá, đấu giá bán cổ phần.

- Chỉ đạo xây dựng phương án cổ phần hóa và dự thảo Điều lệ lần đầu của Công ty cổ phần.

- Chỉ đạo Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam:

+ Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu pháp lý về tài sản (bao gồm cả nhà cửa, đất đai) và lao động của đơn vị; phương án sử dụng đất sau chuyển đổi; kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng kế hoạch tiến độ thực hiện cổ phần hóa (bao gồm mốc thời gian hoàn thành từng bước công việc) trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện và làm căn cứ để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của Ban lãnh đạo đơn vị;

- Thẩm tra và trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt, công bố giá trị đơn vị và phê duyệt phương án cổ phần hóa.

- Chỉ đạo Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả bán cổ phần.

- Tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh phương án cổ phần hóa, quyết định điều chỉnh giá trị đơn vị sau khi chuyển thành Công ty cổ phần;

- Phối hợp với Sở Nội vụ xem xét, lựa chọn và đề xuất UBND tỉnh việc cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần (nếu có).

- Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam được hưởng thù lao theo quy định hiện hành.

- Tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, các cá nhân có tên tại Điều 1 và thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*ML*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH (Trang).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *AA/95*/UBND-KTTH

Quảng Nam, ngày *14* tháng *8* năm 2018

V/v thống nhất kế hoạch cổ
phần hóa Trung tâm Giống
Thủy sản Quảng Nam

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;
- Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.

Sau khi xem xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại Tờ trình số 224/TTr-BCĐ ngày 27/7/2018, Sở Tài chính - Thường trực Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh tại Công văn số 1833/STC-TCĐN ngày 08/8/2018 về việc phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với kế hoạch thực hiện hoàn thành công tác cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam đăng ký doanh nghiệp đi vào hoạt động trước tháng 4/2019. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung công việc đảm bảo trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính - Thường trực Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam triển khai thực hiện đúng yêu cầu về tiến độ./. *10*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - CPVP;
 - Lưu: VT, TH, KTN, KTTH.
- B:\Dropbox\Trang 2018\1.QĐ/Cổ phần hóa/CV thống nhất kế hoạch
CPH Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam_CV1833.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng

Số: *375A*/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *15* tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Phương án sử dụng đất sau khi Cổ phần hóa
Trung Tâm Giống thủy sản Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ Về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 26/2013/TT-BTNMT ngày 26/9/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100 % vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cổ phần hóa, thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Trung Tâm Giống thủy sản Quảng Nam;

Xét hồ sơ xin phê duyệt Phương án sử dụng đất sau khi Cổ phần hóa của Trung Tâm Giống thủy sản Quảng Nam theo Tờ trình số 83/TTr-GTS ngày 28/9/2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1028/TTr-TNMT ngày 10/12/2018 (kèm theo Phương án sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 10/12/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Trung Tâm Giống thủy sản Quảng Nam, với các nội dung như sau:

- Diện tích đất giữ lại tiếp tục sử dụng 170.071,9 m², gồm các hạng mục như sau:

+ Đất sử dụng cho nuôi trồng thủy sản là: 146.697,1 m². Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Thời gian thuê đất: 50 năm theo quy định của pháp luật.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 23.374,8 m². Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Thời gian thuê đất: 50 năm theo quy định của pháp luật.

- Địa điểm: Xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Vị trí, ranh giới khu đất sau khi Cổ phần hóa được xác định theo các Trích đo địa chính số 192/TNMT-VPĐK, 193/TNMT-VPĐK ngày 14/5/2014, Trích đo chính lý số 359/TNMT-VPĐK ngày 02/10/2015 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng Đăng ký đất đai) tỉnh Quảng Nam xác lập.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trung Tâm Giống thủy sản Quảng Nam có trách nhiệm quản lý sử dụng đất đúng vị trí, diện tích, mục đích theo Phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

2. UBND huyện Phú Ninh chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND xã Tam Đại theo dõi, kiểm tra việc sử dụng đất, chấp hành các quy định pháp luật đất đai của Trung Tâm Giống thủy sản Quảng Nam.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành có liên quan theo dõi, hướng dẫn việc sử dụng đất của Trung Tâm Giống thủy sản Quảng Nam đảm bảo theo quy định của pháp luật đất đai và các quy định khác có liên quan đến việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND huyện Phú Ninh, Chủ tịch UBND xã Tam Đại, Giám đốc Trung Tâm Giống thủy sản Quảng Nam, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. *28*

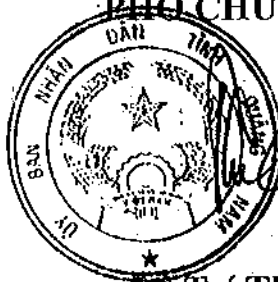
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trí Thanh

THÔNG BÁO

Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại buổi làm việc về tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh

Ngày 21/01/2019, tại UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng chủ trì buổi làm việc với lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND thành phố Tam Kỳ, UBND thị xã Điện Bàn, Văn phòng UBND tỉnh, Đoàn quản lý Đường thủy nội địa Quảng Nam, Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn, Trung tâm Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam, Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam về tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo và ý kiến của các thành viên dự họp, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng kết luận:

Thời gian qua, tiến độ cổ phần hóa còn chậm, còn nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện nhưng các đơn vị chậm đề xuất, báo cáo xin ý kiến xử lý dẫn đến không đảm bảo thời gian trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cổ phần hóa theo lộ trình; vì vậy cần phải đẩy nhanh các bước công việc trong thời gian tới; UBND tỉnh yêu cầu:

1. Đối với các đơn vị đã cổ phần hóa:

a) UBND thành phố Tam Kỳ chịu trách nhiệm đơn đốc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Ban quản lý các Công trình công cộng Tam Kỳ khẩn trương thực hiện các thủ tục bàn giao sang Công ty cổ phần.

b) Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Xây dựng nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh phương án sử dụng đất, giải quyết các nội dung liên quan trụ sở làm việc của Công ty cổ phần Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quảng Nam và Công ty cổ phần Kỹ thuật xây dựng Quảng Nam mà hiện nay các công ty vẫn đang làm việc tại trụ sở cũ, trong đó có việc quản lý tài chính đối với các trụ sở công sản này; đồng thời nghiên cứu các quy định về việc chuyển giao vốn sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) để tham mưu UBND tỉnh thực hiện theo quy định.

c) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm làm việc với các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường để đề xuất phương án xử lý trụ sở không còn nhu cầu sử dụng của Công ty cổ phần Bến xe Quảng Nam, tham mưu UBND tỉnh xem xét giải quyết.



d) Đối với các đơn vị có nhu cầu thoái hết vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: Yêu cầu cơ quan đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có phương án xin thoái hết vốn Nhà nước làm việc với Sở Tài chính để được hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục và thẩm định, tham mưu UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

2. Đối với các đơn vị đang thực hiện cổ phần hóa:

a) Thống nhất điều chỉnh thời điểm khóa sổ xác định giá trị doanh nghiệp của Đoàn quản lý Đường thủy nội địa Quảng Nam, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn là ngày **30/6/2018**. Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa các đơn vị khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án chuyển sang Công ty cổ phần.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính xác định việc giao đất cho các doanh nghiệp (bao gồm đơn giá cho thuê) đảm bảo theo đúng quy định. Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp cần chủ động đánh giá lại, rà soát phương án sử dụng đất của đơn vị (kể cả các đơn vị đã được UBND tỉnh phê duyệt) để đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty trong tương lai khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần nhằm quản lý, sử dụng đất một cách tiết kiệm và có hiệu quả.

c) Ban chỉ đạo Cổ phần hóa các đơn vị cần tổ chức họp định kỳ và báo cáo tiến độ thực hiện cho Sở Tài chính, UBND tỉnh theo chỉ đạo tại điểm a, khoản 2 Thông báo số 370/TB-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh; đồng thời chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, thủ tục phục vụ cho công tác cổ phần hóa để chủ động trình việc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh.

d) Đối với Trung tâm Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam:

- Ban chỉ đạo Cổ phần hóa của Trung tâm chịu trách nhiệm làm việc với các địa phương và các ngành (Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, ...) để hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục bàn giao tài sản và đất đai đồng thời với việc thực hiện các bước cổ phần hóa nhằm đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa do trong thời gian qua đã làm quá chậm; cùng với đơn vị nhận, UBND các huyện, thị xã: Núi Thành, Thăng Bình, Điện Bàn, Phú Ninh và Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý triệt để các vấn đề về đất đai, tài sản giữa hồ sơ quản lý, bàn giao và thực tế quản lý, sử dụng.

- Yêu cầu UBND thị xã Điện Bàn khẩn trương có văn bản tiếp nhận Trại phát triển giống nấm Điện Ngọc trước ngày **01/02/2019** (Trung tâm Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam đã có các Công văn số 168/TTG ngày 12/11/2018, số 184/TTG-HCTT ngày 17/12/2018 gửi UBND thị xã Điện Bàn).

e) Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm xác định tỷ lệ đóng góp đối với phần công trình do tập thể, cá nhân cán bộ viên chức, người lao động của Trung tâm đầu tư xây dựng

(không theo dõi trên sổ sách kế toán của Trung tâm) và bổ sung tài liệu về chủ trương trước đây của cấp có thẩm quyền để báo cáo Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh xem xét giải quyết.

Yêu cầu Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND: thành phố Tam Kỳ, thị xã Điện Bàn và Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa các đơn vị tập trung thực hiện đảm bảo đúng quy định và tiến độ./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh (b/cáo);
- Các Sở: TC, XD, TN&MT, GTVT, KH&ĐT, Nội vụ, LĐTB&XH, TT&TT, NN&PTNT;
- UBND Tp. Tam Kỳ, UBND thị xã Điện Bàn;
- Cục thuế tỉnh;
- Trưởng BCD CPH các đơn vị: Đoạn Quản lý đường thủy nội địa, Trung tâm Tư vấn Xây dựng TX Điện Bàn, Trung tâm Giống Nông lâm nghiệp, Trung tâm Giống thủy sản;
- Các CTCP: Đăng kiểm Quảng Nam, Dịch vụ đô thị Tam Kỳ, Kỹ thuật Xây dựng Quảng Nam, Viện Quy hoạch đô thị Quảng Nam, Bến xe Quảng Nam;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTN, KTTH.

B:\Drophi\Trang 2018\B\Thong bao\thong bao_KL_PCT Tran Dinh Tung co phan hoa DVSACL_ku 7.doc

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *3104*/UBND-KTTH

Quảng Nam, ngày 03 tháng 6 năm 2019

V/v điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đối với Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn, Đoàn quản lý Đường thủy nội địa Quảng Nam

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Điện Bàn;
- Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam;
- Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam;
- Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn;
- Đoàn quản lý Đường thủy nội địa Quảng Nam.

Để đảm bảo thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi cách thời điểm xác định giá trị theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015; tiếp theo Thông báo số 180/TB-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh; Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng có ý kiến như sau:

1. Điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đối với Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn, Đoàn quản lý Đường thủy nội địa Quảng Nam là ngày 31/12/2018 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 180/TB-UBND ngày 20/5/2019.

2. Các Sở: Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Điện Bàn, Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn, Đoàn quản lý Đường thủy nội địa Quảng Nam, các đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục liên quan đến công tác cổ phần hóa các đơn vị (xem xét các phát sinh từ ngày 30/6/2018 đến ngày 31/12/2018 để bổ sung hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp; lưu ý các nội dung về tài sản cố định vô hình, phương án sử dụng đất...) tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, phương án cổ phần hóa và tổ

chức bán cổ phần đảm bảo hoàn thành trước ngày 30/9/2019; đồng thời đàm phán ký phụ lục hợp đồng với đơn vị tư vấn, chi phí cổ phần hóa.

3. Các đơn vị cổ phần hóa có phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, viên chức điều chuyển lại cơ quan chủ quản (hoặc đơn vị khác) cử lãnh đạo làm việc với Sở Nội vụ để hướng dẫn thủ tục, kiểm tra tham mưu UBND tỉnh xem xét giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN, KTTH.

B:\La Dang Quang KTTH\Dropbox\cong van di\2019\hàng 603-6-2019 CPH (1).doc



Nguyễn Ngọc Nam

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
ĐỂ CỔ PHẦN HÓA**

Của Trung tâm Giồng thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018

- Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ “về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần”;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 41/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 14/3/2011 về Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 122/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá việt nam số 12;

- Vận dụng Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số: 3619/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam ngày 05 tháng 11 năm 2008 về việc thành lập Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;
- Căn cứ Quyết định số: 2616/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam ngày 07 tháng 8 năm 2009 về việc Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 về thành lập Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam;
- Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-BCĐ ngày 09/7/2018 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam;
- Căn cứ Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam;
- Căn cứ Thông báo số 41/TB-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại buổi làm việc về tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh;
- Căn cứ Thông báo số 22/TB-BCĐ ngày 28/2/2019 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam;
- Căn cứ Hợp đồng số 30/2018/AgriSeco-TVĐN-số 04/10-18/HQ-ĐN, ký ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc dịch vụ tư vấn cổ phần hóa để chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần được ký giữa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam và liên danh Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung và phụ lục kèm theo;
- Căn cứ Công văn số 827/STC-TCĐN ngày 11/4/2019 của Sở Tài chính Quảng Nam v/v các công trình do tập thể, cá nhân cán bộ viên chức người lao động của Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam đầu tư xây dựng;

- Căn cứ thông báo số 128/TB-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp về tiến độ CPH các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh và các nội dung liên quan đến việc chưa thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất tại các đơn vị CPH;
- Căn cứ Thông báo số 180/TB-UBND ngày 20/05/2019 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp nghe báo cáo về công tác xác định giá trị cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam và các đơn vị liên quan;
- Căn cứ Công văn số 3104/UBND-KTTH ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đối với Trung tâm giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, Trung tâm giống Thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn, Đoàn quản lý đường thủy nội địa Quảng Nam.
- Căn cứ Phụ lục hợp đồng giữa Liên danh Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank Chi nhánh Miền Trung với Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam ngày 10/6/2019;
- Căn cứ Công văn số 55/GTS ngày 20/6/2019 của Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam về việc hạch toán ghi tăng tài sản và nợ phải trả cho CBVC-NLĐ Trung tâm đầu tư xây dựng công trình tập thể và cá nhân tại thời điểm 31/12/2018;
- Trên cơ sở báo cáo tài chính đã kiểm toán, bảng kiểm kê tài sản, các biên bản đối chiếu công nợ, biên bản kiểm kê quỹ, thư xác nhận số dư tài khoản của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018;
- Biên bản khảo sát hiện trạng;
- Biên bản kiểm kê tài sản do CBVC-NLĐ Trung tâm đầu tư;

- Căn cứ các văn bản hiện hành, các hồ sơ và tài liệu có liên quan khác.

A. Thành phần tham gia:

1. Đại diện Đơn vị tư vấn: Liên danh Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank Chi nhánh Miền Trung

- Ông Phạm Bá Diệp - Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân Chi nhánh Đà Nẵng

2. Đại diện Đơn vị sự nghiệp công lập CPH: Trung tâm giống thủy sản Quảng Nam

- Ông Bùi Quang Minh - Giám đốc

- Bà Trần Thị Lệ Thủy - Phụ trách kế toán

B. Kết quả xác định giá trị Trung tâm giống thủy sản Quảng Nam:

1. Trung tâm giống thủy sản Quảng Nam chịu trách nhiệm về các số liệu kế toán, về danh mục và số lượng tài sản đã cung cấp cho Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân để thực hiện xác định giá trị Trung tâm.

2. Đại diện Trung tâm giống thủy sản Quảng Nam thống nhất kết quả xác định giá trị Trung tâm giống thủy sản Quảng Nam tại Chứng thư thẩm định giá số 041018 ngày 11/7/2019 của Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân. Cụ thể như sau:

- Giá trị thực tế vốn nhà nước tại Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam theo phương pháp tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2018 là: **9.404.000.000 đồng**

Bằng chữ: Chín tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu đồng.

(Kèm theo bảng kết quả xác định giá trị theo phương pháp tài sản)

Biên bản này là một phần không tách rời của Chứng thư thẩm định giá số 041018 ngày 11/7/2019 của Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân.

Biên bản này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Công Ty TNHH Thẩm Định Giá Hoàng Quân giữ 01 bản, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam giữ 04 bản.

ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM

Phụ trách kế toán



Trần Thị Lệ Thủy



Bùi Quang Minh

ĐẠI DIỆN LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH THẨM ĐỊNH GIÁ HOÀNG QUÂN CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân Chi nhánh Đà Nẵng



Phạm Bá Diệp

CHỨNG THỰC ĐÁN SẴO ĐÚNG VỚI ĐÁN CHÍNH	
Số chứng thực:	000441
Quyển số:	012019 - SCT/BS
Ngày:	25-10-2019



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Hữu Lãng

KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ THEO PHƯƠNG PHÁP TÀI SẢN

(Kèm theo biên bản xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập

để cổ phần hóa của Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018)

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2018	Số liệu xác định lại tại thời điểm 31/12/2018	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng	8.676.315.818	10.842.420.982	2.166.105.164
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	8.297.096.325	10.463.201.489	2.166.105.164
1. Tài sản cố định	8.264.279.657	10.423.403.089	2.159.123.432
1.1 Tài sản cố định hữu hình	8.264.279.657	10.423.403.089	2.159.123.432
a) Nhà cửa, vật kiến trúc	8.123.951.667	10.090.544.427	1.966.592.760
a1) Nhà cửa, vật kiến trúc	8.123.951.667	8.741.544.427	617.592.760
a2) Nhà cửa, vật kiến trúc do tập thể và cá nhân CBVC-NLĐ Trung tâm đầu tư		1.349.000.000	1.349.000.000
b) Máy móc thiết bị	19.445.000	116.288.000	96.843.000
c) Phương tiện vận tải	61.529.100	128.037.260	66.508.160
d) Tài sản khác	59.353.890	88.533.402	29.179.512
1.2 Tài sản cho thuê tài chính	-	-	-
a) Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
b) Máy móc thiết bị	-	-	-
c) Phương tiện vận tải	-	-	-
1.3 Tài sản cố định vô hình	-	-	-
a) Phần mềm máy tính	-	-	-
b) Quyền sử dụng đất	-	-	-
c) Tài sản vô hình khác	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
a) Phải thu dài hạn khác	-	-	-
b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-

5. Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
6. Tài sản dài hạn khác	32.816.668	39.798.400	6.981.732
a) Tài sản dài hạn khác	32.816.668	39.798.400	6.981.732
7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	379.219.493	379.219.493	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	210.860.315	210.860.315	-
a) Tiền mặt	150.489.363	150.489.363	-
b) Tiền gửi ngân hàng, kho bạc	60.370.952	60.370.952	-
c) Tiền đang chuyển	-	-	-
d) Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	54.700.000	54.700.000	-
a) Phải thu khách hàng	5.200.000	5.200.000	-
b) Trả trước cho người bán	49.500.000	49.500.000	-
c) Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
d) Các khoản phải thu khác	-	-	-
e) Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
f) Các khoản tạm ứng	-	-	-
4. Hàng tồn kho	113.659.178	113.659.178	-
a) Công cụ, dụng cụ ứ đọng kém mất phẩm chất	94.068.076	94.068.076	-
b) Chi phí SX, KD dở dang	19.591.102	19.591.102	-
5. Tài sản lưu động khác	-	-	-
a) Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
b) Thuế và các khoản phải thu NN	-	-	-
c) TSLĐ khác	-	-	-
d) Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng			

C. Tài sản chờ thanh lý	12.460.700	12.460.700	-
D. Tài sản không cổ phần hóa	24.154.833	24.154.833	
E. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)			
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN ĐƠN VỊ (A+B + C+D)	8.712.931.351	10.879.036.515	2.166.105.164
Trong đó:			
GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ (mục A)	8.676.315.818	10.842.420.982	2.166.105.164
E1. NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	89.755.601	1.438.255.573	1.348.499.972
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
E2a. Số dư nguồn kinh phí			
E2b. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	8.333.711.858	8.333.711.858	
E3. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	19.591.102	19.591.102	
F.GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ {A-(E1+E2a)}	8.586.560.217	9.404.165.409	817.605.192
GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ THỜI ĐIỂM 31/12/2018		9.404.165.409	

1.H.D
MAM

Kết luận: - Giá trị thực tế của đơn vị: 10.842.420.982 đồng

- Nợ thực tế của đơn vị: 1.438.255.573 đồng

- Giá trị thực tế vốn nhà nước tại đơn vị thời điểm 31/12/2018: 9.404.165.409 đồng

Làm tròn: 9.404.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu đồng.

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam
để thực hiện cổ phần hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam chuyển thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

Theo Thông báo số 41/TB-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh và xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại Tờ trình số 207/TTr-BCĐ ngày 17/7/2019, Sở Tài chính tại Công văn số 337/STC-ĐMDN ngày 26/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018 để thực hiện cổ phần hóa, như sau:

- | | |
|---|---------------------|
| 1. Giá trị thực tế của đơn vị: | 10.842.420.982 đồng |
| Trong đó: | |
| - Nợ thực tế phải trả: | 1.438.255.573 đồng |
| - Giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị: | 9.404.165.409 đồng |
| (Chín tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ chín đồng) | |
| 2. Giá trị tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần: | 36.615.533 đồng |

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam thực hiện: Xây dựng phương án cổ phần hóa và phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng phương án sắp xếp lao động và làm việc với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để được hướng dẫn giải quyết; tiến hành bán cổ phần, đại hội cổ đông và hoàn thành công tác cổ phần hóa theo kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh phê duyệt lại giá trị đơn vị để bàn giao sang Công ty cổ phần; xử lý hoặc tổng hợp đề xuất UBND tỉnh xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa Trung tâm theo thẩm quyền (nếu có).

2. Sở Tài chính - Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn việc cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam; phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam xử lý những tồn tại, vướng mắc; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt phương án lao động dôi dư.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam xây dựng phương án lao động dôi dư, thẩm tra và phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh xử lý các nội dung liên quan đến giá đất theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 4544/BTC-TCĐN ngày 18/4/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Quảng Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.//19

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, TH, KTTH.

E:\Le Dung Quang\KTTH\Dropbox\cong van di\2019\thang 7\15-7-2019\diu chuyen Thanh tra tinh.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng

Phụ lục 1
KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ
TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu xác định lại
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	10.842.420.982
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	10.463.201.489
1. Tài sản cố định	10.423.403.089
a) Tài sản cố định hữu hình	10.423.403.089
b) Tài sản cố định vô hình	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-
4. Các khoản phải thu dài hạn	-
5. Tài sản dở dang dài hạn	-
6. Tài sản dài hạn khác	39.798.400
7. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	379.219.493
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	210.860.315
a) Tiền mặt	150.489.363
b) Tiền gửi ngân hàng, kho bạc	60.370.952
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	54.700.000
4. Hàng tồn kho	113.659.178
a) Công cụ, dụng cụ ứ đọng kém mất phẩm chất	94.068.076
b) Chi phí SX, KD dở dang	19.591.102
5. Tài sản lưu động khác	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-
B. Tài sản không cần dùng	-
C. Tài sản chờ thanh lý	12.460.700
D. Tài sản không có phần hóa	24.154.833
E. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN ĐƠN VỊ (A+B + C+D+E)	10.879.036.515
Trong đó:	
GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ (mục A)	10.842.420.982
E1. Nợ thực tế phải trả	1.438.255.573
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-
GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ THỜI ĐIỂM 31/12/2018 {A-(E1+E2)}	9.404.165.409

Phụ lục 2
TÀI SẢN KHÔNG ĐƯA VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP KHI CỎ PHẦN HÓA
TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số: 25/15/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Tên tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Theo số liệu sổ sách (đồng)		Ghi chú
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	Nhà thao tác lưới (sửa chữa năm 2004)	1982	1	55.135.000	24.154.833	
2	Nhà kho và bãi đỗ du lịch hồ Phú Ninh	2004	1	9.858.000	-	
3	Bãi đá bên cảng (Trong hồ)	2004	1	1.154.500	-	
Tổng cộng					24.154.833	

Số: 2961/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 17 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án sử dụng lao động khi thực hiện chuyển
Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam thành công ty cổ phần**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam để thực hiện cổ phần hóa;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại Tờ trình số 257/TTr-BCĐ ngày 21/8/2019 (kèm theo Công văn 1334/LĐTBXH-LĐVL ngày 19/8/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) và Công văn số 2339/STC-DN ngày 06/9/2019 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng lao động khi thực hiện chuyển Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam thành công ty cổ phần, như sau:

1. Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập ngày 31/12/2018: 23 người (trong đó nữ: 09 người).

2. Tổng số lao động tại thời điểm phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập ngày 06/8/2019: 20 người. Từ 31/12/2018 đến trước ngày 06/8/2019 tại đơn vị sự nghiệp công lập giảm 03 lao động; trong đó:

- Viên chức nghỉ việc hưởng chế độ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế: 02 người.

- Lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động: 01 người

3. Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần: 11 người (trong đó nữ 05 người).

4. Số lao động dôi dư tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần: 06 người, trong đó:

- Lao động dôi dư tuyển dụng lần cuối trước ngày 18/10/2000 phải nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc: 02 người, trong đó nữ 01 người)

- Lao động dôi dư tuyển dụng lần cuối từ ngày 18/10/2000 trở về sau phải nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc: 04 người, trong đó nữ: 01 người

5. Số lao động dự kiến nghỉ việc, chuyển sang làm việc tại đơn vị khác tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần: 03 người.

6. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách từ nguồn bán cổ phần: 239.457.372 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chịu trách nhiệm làm việc với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam xử lý nguồn kinh phí để thực hiện chi trả chế độ cho người lao động đúng đối tượng và quyết toán theo quy định.

2. Các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm phối hợp kiểm tra, giám sát việc chi trả tiền chế độ cho người lao động của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam và thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;

- Lưu: VT, TH, NC, KTN, KTTH.

D:\O E cũ\Le Dang Quang KTTH\Dropbox\cong van di\Dropbox\2019\thung 9\16-9-2019 phuong dan lao động Đoàn QL đường sông.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Số: 3387/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 24 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án cổ phần hóa
Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ Tướng Chính Phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam chuyển thành công ty cổ phần;

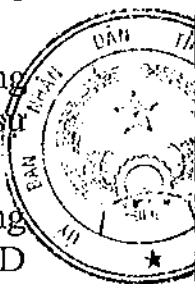
Căn cứ các Thông tư: số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018, số 34/2019/TT-BTC ngày 11/06/2019 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam để thực hiện cổ phần hoá;

Căn cứ Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;



Căn cứ Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt phương án sử dụng lao động khi thực hiện chuyển Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam tại Tờ trình số 332/TTr-BCĐ ngày 15/10/2019 và Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh tại Tờ trình số 515/STC-ĐMDN ngày 21/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam, như sau:

1. Hình thức cổ phần hóa: Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại đơn vị.

2. Tên và địa chỉ công ty cổ phần:

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM

Tên tiếng Anh: QUANG NAM AQUACULTURE JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 0235.3856116 Fax: 0235.3859066

3. Giá trị đơn vị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2018

- Giá trị thực tế của đơn vị: 10.842.420.982 đồng

- Giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị: 9.404.165.409 đồng

(Chín tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng)

4. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ, giá trị và giá khởi điểm 01 cổ phần:

a) Vốn điều lệ: 9.400.000.000 đồng (Chín tỷ, bốn trăm triệu đồng)

b) Cơ cấu vốn điều lệ:

- Cổ phần Nhà nước: 47.000 cổ phần, chiếm 5,00% vốn điều lệ;

- Cổ phần bán cho người lao động với giá ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ: 29.000 cổ phần, chiếm 3,09% vốn điều lệ;

- Cổ phần bán cho người lao động với số năm cam kết làm việc lâu dài quy định tại khoản 2 Điều 21. Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ: 18.000 cổ phần, chiếm 1,91% vốn điều lệ;

- Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn: 0 cổ phần;

- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 0 cổ phần;

- Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài: 846.000 cổ phần, chiếm 90,00% vốn điều lệ.

c) Giá trị 01 cổ phần: 10.000 đồng.

d) Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu: 10.000 đồng/cổ phần.

5. Phương thức bán cổ phần lần đầu

a) Bán ưu đãi cho người lao động trong đơn vị theo quy định;

b) Bán đấu giá công khai: Do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung tổ chức thực hiện theo quy định.

6. Đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán: Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty cổ phần phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Khoản 3 Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ).

7. Phương án sắp xếp lao động: Thực hiện theo Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND tỉnh.

8. Công ty cổ phần thực hiện:

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh;
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập;
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các Ngân hàng thương mại để giao dịch theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp;
- Đăng ký doanh nghiệp và đăng ký ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

9. Phương án sử dụng đất: Thực hiện theo phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 13/12/2018.

10. Chi phí cổ phần hóa: Giám đốc đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán các khoản chi phí thực tế phục vụ công tác cổ phần hóa gửi Sở Tài chính – Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm tiến hành bán cổ phần theo quy định.

2. Sở Tài chính – Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì cùng với các đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa, phê duyệt lại giá trị doanh nghiệp lần 2.

3. Giám đốc Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam chịu trách nhiệm điều hành, quản lý đơn vị cho đến khi bàn giao toàn bộ tài sản, tiền vốn, lao động... cho Công ty cổ phần và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Quảng Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*ps*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (b/c);
- Các Bộ: TC, KH&ĐT (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, TH, KTTH.

D:\0 E cũ\Le Dang Quang KTHH\Dropbox\cong van da\Dropbox\2019\tháng 10\22-10-2019 Phương án cpl_giong thủy sản.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT QUẢNG NAM
TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA	
ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA	TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM Địa chỉ: Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam Điện thoại: 0235.3856116 Fax: 0235.3859066
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AGRIBANK – CN MIỀN TRUNG Địa chỉ: Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: 0236.3671666 Fax: 0236.3621893

MỤC LỤC

PHẦN I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP	3
I. TỔNG QUAN VỀ TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM	3
1. Các thông tin cơ bản về Trung tâm	3
2. Lịch sử hình thành và phát triển	3
3. Chức năng	3
4. Nhiệm vụ và quyền hạn	3
5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	5
7. Cơ cấu tổ chức, bộ máy biên chế	5
8. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM 3 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	8
1. Tình hình hoạt động kinh doanh	8
2. Tình hình hoạt động tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh	15
III. THỰC TRẠNG VỀ TRUNG TÂM TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP 31/12/2018	16
1. Thực trạng về tài sản cố định	16
2. Thực trạng về tài chính	17
3. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	19
4. Thực trạng về lao động	19
5. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai	20
IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ . 22	
1. Kết quả xác định giá trị đơn vị	22
2. Những tài sản không đưa vào giá trị đơn vị khi cổ phần hóa	22
PHẦN II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	26
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	26
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.	28
1. Mục tiêu cổ phần hóa	28
2. Hình thức cổ phần hóa	29
3. Thông tin cơ bản về Công ty cổ phần	29
4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh	29
5. Quy mô vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	30
6. Phương án bán cổ phần phát hành lần đầu	32
7. Phương án sử dụng lao động	34

8.	<i>Chi phí cổ phần hóa</i>	37
9.	<i>Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa</i>	38
10.	<i>Phương án sử dụng đất đai sau cổ phần hóa</i>	39
11.	<i>Phương án tổ chức Công ty cổ phần</i>	42
III.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SAU CỔ PHẦN HOÁ	44
1.	<i>Mục tiêu</i>	44
2.	<i>Định hướng phát triển Công ty cổ phần</i>	44
3.	<i>Biện pháp tổ chức thực hiện:</i>	44
IV.	DỰ KIẾN MỘT SỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN	48
1.	<i>Rủi ro kinh tế</i>	48
2.	<i>Rủi ro về luật pháp</i>	50
3.	<i>Rủi ro đặc thù</i>	51
4.	<i>Rủi ro đợt chào bán cổ phần phát hành lần đầu</i>	51
5.	<i>Rủi ro khác</i>	51
V.	ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	51
	PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	52
I.	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	52
II.	KIỆN NGHỊ	52
	PHỤ LỤC VÀ TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	54
I.	PHỤ LỤC	54
II.	TÀI LIỆU	54

PHẦN I

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN VỀ TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM

1. Các thông tin cơ bản về Trung tâm.

Tên tiếng Việt đầy đủ : **TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM**
Tên giao dịch : **Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam**
Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh
Quảng Nam
Điện thoại : 0235.3856116
Fax : 0235.3856116

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam được thành lập theo Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 và Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam về quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm.

Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu và đại diện theo pháp luật của đơn vị là Giám đốc Trung tâm.

2. Lịch sử hình thành và phát triển

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Khuyến Ngư và Phát triển Giống Thủy sản Quảng Nam được thành lập theo Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 và Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam.

3. Chức năng

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam có chức năng nghiên cứu, thực nghiệm và ứng dụng các công nghệ về giống thủy sản; lưu giữ giống thủy sản đặc hữu ở địa phương, nhân các loại giống thuần chủng, cấp cho các cơ sở sản xuất giống; tham gia đào tạo kỹ thuật và chuyển giao công nghệ về giống thủy sản; sản xuất dịch vụ con giống thủy sản có chất lượng cao; liên kết hoạt động dịch vụ khác phù hợp với ngành nghề và cơ sở vật chất của đơn vị.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn

Các nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam:

STT	Nhiệm vụ, quyền hạn
1	Xây dựng và trình Sở Nông Nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam định hướng công tác phát triển giống thủy sản trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan chức năng khác triển khai thực hiện các chương trình, mục tiêu, kế hoạch phát triển nghề nuôi trồng thủy sản tại địa phương.
2	Tiếp nhận các đối tượng giống mới, giống thuần chủng, giống ông bà, bố mẹ từ các Trung tâm giống Quốc gia và các Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản để lưu giữ, chọn lọc, phát triển đàn giống bố mẹ, giống hậu bị đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng cho các cơ sở sản xuất giống thương mại trong tỉnh.
3	Lưu giữ giống gốc, nhân giống các đối tượng thủy sản bản địa quý hiếm để bảo tồn nguồn gen quốc gia.
4	Nghiên cứu, tiếp nhận các tiến bộ kỹ thuật, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để sản xuất các đối tượng giống mới, sạch bệnh và hoàn thiện các quy trình kỹ thuật sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.
5	Chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất giống cho các tổ chức, cá nhân tham gia công tác sản xuất giống thủy sản.
6	Sản xuất giống phục vụ cho nuôi trồng, bảo tồn và tái tạo nguồn lợi thủy sản theo chương trình, kế hoạch của tỉnh; chủ trì thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ về giống thủy sản trong tỉnh; tổ chức sản xuất, dịch vụ giống thủy sản kinh tế cho nhu cầu nuôi trồng thủy sản.
7	Tổ chức nuôi và khai thác cá thịt tại hồ chứa nước Phú Ninh và các hồ chứa nước khác trong tỉnh.
8	Liên kết tổ chức các hoạt động dịch vụ khác phù hợp với hoạt động ngành nghề và cơ sở vật chất của đơn vị.
9	Tư vấn, lập các dự án khả thi, báo cáo đầu tư các dự án vay vốn tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất kinh doanh ngành, nghề thủy sản.
10	Phối hợp tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn về sản xuất giống thủy sản, tập huấn về kỹ thuật sản xuất giống thủy sản; tham gia các dự án của ngành, các dự án quốc tế về thủy sản có liên quan đến địa phương.
11	Quan hệ hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn đầu tư hoặc tham gia trực tiếp đầu tư và các chương trình dự án, các chương

	trình nghiên cứu, thực nghiệm về phát triển giống và sản xuất dịch vụ thủy sản ở địa phương.
12	Quản lý tổ chức bộ máy cán bộ, tài chính, tài sản được Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT giao đúng theo quy định của Nhà nước.
13	Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT giao.

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam hiện đang cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu sau:

- Sản xuất và cung ứng tất cả các chủng loại giống thủy sản phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh và khu vực Miền Trung và Tây nguyên;
- Di giống, thuần hoá và sản xuất giống thủy sản mới để bổ sung, tái tạo nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học ở thủy vực tự nhiên ở Quảng Nam;
- Bảo tồn, lưu giữ, sinh sản các giống thủy sản bản địa quý hiếm (cá Niên, cá Chiên, cá Nu...);
- Thả các chủng loại cá giống (chủ yếu cá Mè) tái tạo nguồn lợi và khai thác cá thịt ở hồ Phú Ninh; góp phần làm trong sạch nguồn nước hồ Phú Ninh phục vụ nước sinh hoạt cho khu dân cư (hạn chế sự phát triển của các loài tảo);
- Thực hiện các chương trình sự nghiệp về phát triển giống và nuôi trồng thủy sản hằng năm của nhà nước;
- Tư vấn và hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản cho các địa phương trên địa bàn tỉnh và khu vực;
- Tổ chức và hợp tác đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ câu cá thể thao giải trí và ăn uống di động liên quan đến ngành nghề hoạt động đơn vị.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy biên chế

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam được tổ chức và điều hành theo mô hình là đơn vị sự nghiệp công lập có thu do Nhà nước làm chủ sở hữu. Cơ cấu tổ chức quản lý Trung tâm được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo tinh gọn bộ máy, hợp lý và phù hợp với tình hình hoạt động dịch vụ của Trung tâm.

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm có: Giám đốc, 1 Phó Giám đốc, 1 Phòng Nghiệp vụ tổng hợp và 1 Trạm sản xuất giống thủy sản nước ngọt Phú Ninh.

6.1. Lãnh đạo Trung Tâm

Giám đốc là người đứng đầu và là người đại diện theo pháp luật, điều hành mọi hoạt động của Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và trước pháp luật về hoạt động của Trung tâm.

Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một hoặc một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc theo quy định của nhà nước và phân cấp quản lý hiện hành của UBND tỉnh, của Sở Nông nghiệp và PTNT.

6.2. Các phòng nghiệp vụ tổng hợp và Trạm.

6.2.1 Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Tham mưu cho lãnh đạo Trung tâm và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch, triển khai chương trình dự án về phát triển giống thủy sản; nghiên cứu thực nghiệm khoa học; dịch vụ sản xuất; dịch vụ du lịch và quản lý toàn bộ các hoạt động của Trạm, Trại, Phòng thí nghiệm... của Trung tâm.

Phối hợp tổ chức, triển khai, quản lý, hướng dẫn thực hiện việc tiếp nhận và chuyển giao các công nghệ, huấn luyện, đào tạo cho các nông ngư dân trong tỉnh trên lĩnh vực giống nuôi trồng thủy sản.

Tham mưu lãnh đạo về công tác tổ chức hành chính, tài chính, kế toán, thu chi ngân sách, lao động tiền lương, kế hoạch tuyển dụng, hợp đồng lao động, đào tạo bồi dưỡng nâng cao, thi đua khen thưởng, kỷ luật; xây dựng nội quy, quy chế, lề lối làm việc của Trung tâm.

Thực hiện kế hoạch xây dựng và quản lý trang thiết bị cơ sở vật chất, tài sản của Trung tâm.

Thực hiện các báo cáo sơ kết, tổng kết định kỳ và đột xuất trong năm; công tác kiểm kê, đánh giá hằng năm.

Tổ chức thực hiện công tác hành chính văn phòng, văn thư lưu trữ.

Tham mưu cho lãnh đạo Trung tâm về quản lý kỹ thuật, xây dựng các quy trình, các văn bản pháp lý về công tác kỹ thuật, công nghệ, quản lý công tác chọn lọc, khảo nghiệm và phục tráng con giống.

Nghiên cứu tiếp nhận các tiến bộ khoa học kỹ thuật, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ để sản xuất các đối tượng giống mới và hoàn thiện các quy trình kỹ thuật sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

Chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất giống cho các tổ chức, cá nhân tham gia công tác sản xuất giống nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn về sản xuất giống thủy sản, tập huấn về kỹ thuật sản xuất giống thủy sản; chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các dự án, đề tài về giống nuôi trồng thủy sản trong tỉnh hoặc có liên quan.

Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Trung tâm giao.

6.2.2 Trạm Sản xuất giống thủy sản nước ngọt Phú Ninh.

Thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm trên lĩnh vực phát triển giống thủy sản nước ngọt;

Là cơ sở thực nghiệm của Trung tâm, tham gia thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ các cấp thuộc lĩnh vực giống thủy sản nước ngọt;

Tham gia sản xuất, dịch vụ giống thủy sản nước ngọt cho nhu cầu nuôi và chuyển dịch cơ cấu vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp;

Tổ chức thả cá giống, quản lý, khai thác và cá thịt tại hồ chứa nước Phú Ninh;

Tổ chức các hoạt động dịch vụ khác phù hợp với năng lực và cơ sở sản xuất của Trạm;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Trung tâm giao.

6.3. Danh sách Ban lãnh đạo Trung tâm:

Danh sách Ban lãnh đạo Trung tâm

TT	Họ và tên	Chức vụ
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
1	Bùi Quang Minh	Giám đốc
2	Phan Đình Châu	Phó Giám đốc
4	Trần Thị Lệ Thủy	Kế toán trưởng

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết:

Không có

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM 3 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

Tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Trung tâm giai đoạn 2016 - 2018 trước khi cổ phần hóa như sau:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1. Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu doanh thu trong từng lĩnh vực hoạt động như sau:

Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2016- 2018

ĐVT: đồng

TT	DOANH THU	NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.978.948.861	100	1.775.466.455	100	1.872.860.746	99,98
	Doanh thu từ sản xuất và dịch vụ giống thủy sản	1.394.907.308	70,49	1.158.551.455	65,25	1.386.290.746	74.01
	Doanh thu từ khai thác cá trên hồ Phú Ninh	584.041.553	41,87	616.915.000	53,25	486.570.000	25,97
II	Doanh thu từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	228.019	0,02
III	Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	1.978.948.861	100	1.775.466.455	100	1.873.088.765	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

1.2. Về lợi nhuận

Đặc thù ngành nghề sản xuất dịch vụ của Trung tâm phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu (động vật biến nhiệt). Những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho thời tiết nóng lên, và thay đổi thất thường, không theo quy luật. Vậy nên sản xuất năng suất thấp, hiệu quả không cao, doanh thu chỉ đủ bù đắp chi phí, đảm bảo thu nhập cho người lao động theo mức lương nhà nước quy định, không có lợi nhuận.

1.3. Nguyên, vật liệu

Nguyên, vật liệu phục vụ cho sản xuất giống thủy sản chủ yếu là: điện, nước, phân hữu cơ, vô cơ, chế phẩm sinh học, thức ăn công nghiệp... đều là nguồn nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, do các nhà cung cấp trong và ngoài tỉnh cung ứng.

Trong các năm qua, nguồn cung ứng nguyên, vật liệu nói trên cho Trung tâm đều ổn định, kịp thời. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu bao gồm:

Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu

STT	Tên nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
1	Đại lý Phước Sương	Vôi thủy sản, Vitamin C, men sinh, đồng sunfat, tetracycline
2	Đại lý Hoa Ngọc	Cám gạo tinh, sắn, đậu nành
3	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xăng dầu Trường Xuân	Dầu
4	Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	Thuốc HCG
5	Đại lý Nguyễn Văn Nghĩa	Thức ăn công nghiệp
6	Đại lý Nở	Bao bì, công cụ dụng cụ

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

1.4. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất giai đoạn 2016 - 2018

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	DVT: triệu đồng					
		NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	1.908.445.461	96,4	1.663.419.355	93,7	1.845.041.526	98,0
2	Chi phí tài chính	-	-	-	-	228.019	0,01

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
3	Chi phí bán hàng	70.503.400	3,6	112.047.100-	6,3	-	
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-		-	-	26.804.849	1,43
5	Chi phí khác	-		-	-	1.014.371	0,05
	TỔNG CỘNG	1.978.948.861	100	1.775.466.455	100	1.873.088.765	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2018 của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

1.5. Trình độ công nghệ

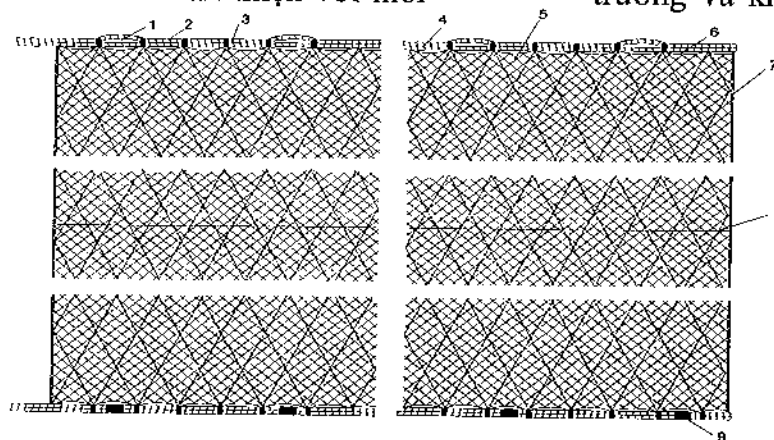
- Trình độ công nghệ sản xuất giống thủy sản nước ngọt

Trung tâm sản xuất Giống Thủy sản nước ngọt theo tiêu chuẩn Việt Nam 28TCN 133:1998 Freshwater – Fry – Technical requirements Ban hành theo Quyết định số 733/1998/QĐ-BTS ngày 17/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. So với tiêu chuẩn này, trình độ công nghệ sản xuất ở Trung tâm đạt và vượt mức hơn so với tiêu chuẩn ở một số đối tượng như cá rô phi đơn tính dòng Gift, cá mè trắng, mè hoa, cá chép... So với các tỉnh phía Bắc, thì chất lượng sản xuất giống thủy sản nước ngọt ở Trung tâm phong phú và đa dạng hơn cả về chủng loại và năng suất, do điều kiện khí hậu tốt hơn (không có mùa lạnh). So với phía Nam thì trình độ sản xuất ở Trung tâm năng suất thấp hơn ở một số đối tượng do chất lượng nguồn nước xấu hơn: độ kiềm dưới 30 trong khi đó độ kiềm ở phía Nam trên 60; nguồn thức ăn tự nhiên thấp và một số đối tượng hầu như không có như Trùn chỉ, Moina... Do vậy, chi phí giá thành sản xuất giống thủy sản nước ngọt ở Trung tâm cao hơn ở phía Nam.

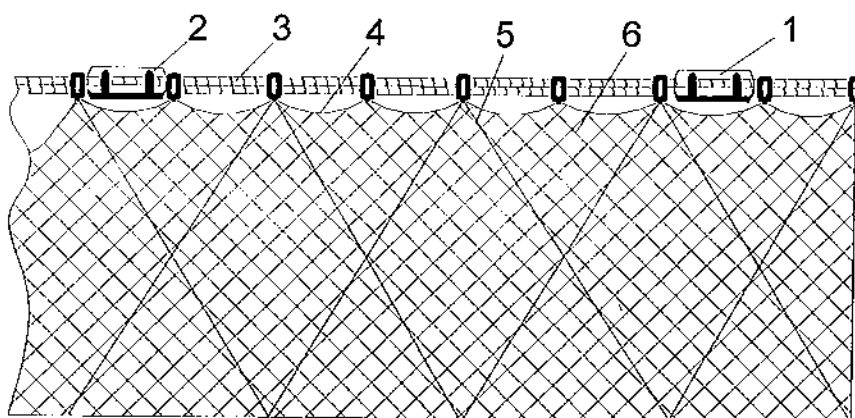
- Trình độ công nghệ khai thác cá hồ chứa nước

Trung tâm vẫn duy trì phương pháp khai thác cá hồ chứa truyền thống ở phía Bắc. Đó là phương pháp khai thác liên hợp "Dồn, Chấn, Rê, Chuồng". Tuy nhiên, Trung tâm đã cải tiến chỉ còn sử dụng "Chấn, Chuồng". Trong đó, Dồn là dùng lưới rê 03 lớp để dồn cá; Chấn: là lưới chấn có kích thích mắc lưới 2a từ 45-90; Chuồng: là cái túi đựng cá làm bằng Lưới chấn 2a= 45 có kích thước dao động từ 10-15m X 20-25m.

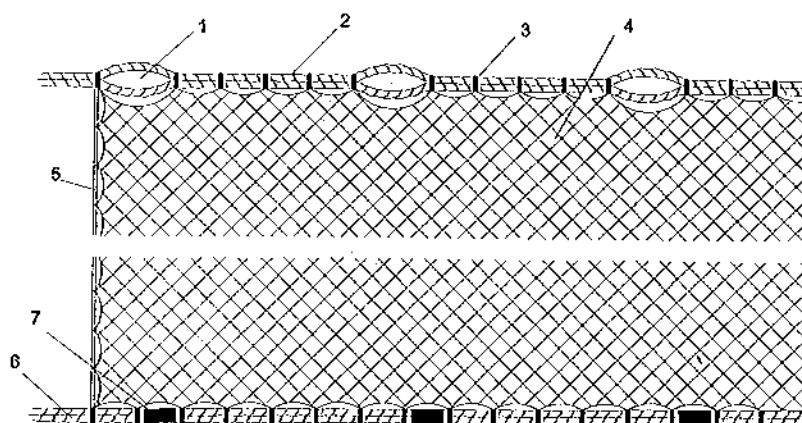
Hiện nay, chỉ duy nhất ở hồ Phú Ninh còn sử dụng phương pháp khai thác này. Đây là phương pháp khai thác thân thiện với môi trường và không sử dụng nhiên liệu...



Hình 1. Tấm lưới rê ba lớp sau khi lắp ráp
 1-Phao; 2-giềng băng phao; 3-lưới lớp ngoài;
 4-giềng luồn phao; 5-lưới lớp giữa; 6-dây thủy
 khấu; 7-giềng biên; 8-giềng lức; 9-viên chì;
 10-giềng luồn chì; 11-giềng băng chì

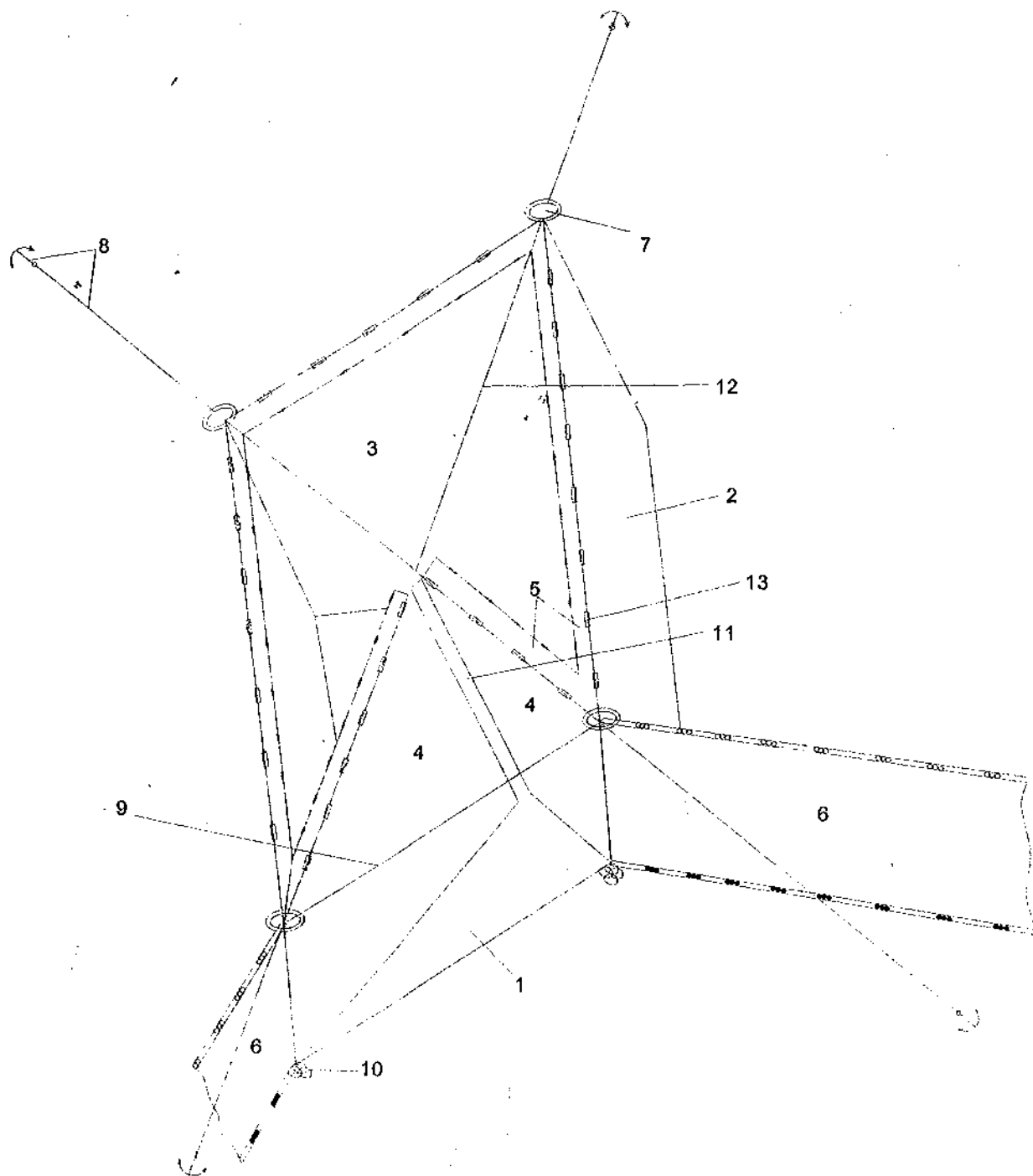


Hình 2. Cách cố định phao và giềng phao
 1-Phao; 2-lỗ trên phao; 3-giềng
 phao; 4-dây thủy khấu; 5-lưới
 lớp ngoài; 6-lưới lớp giữa



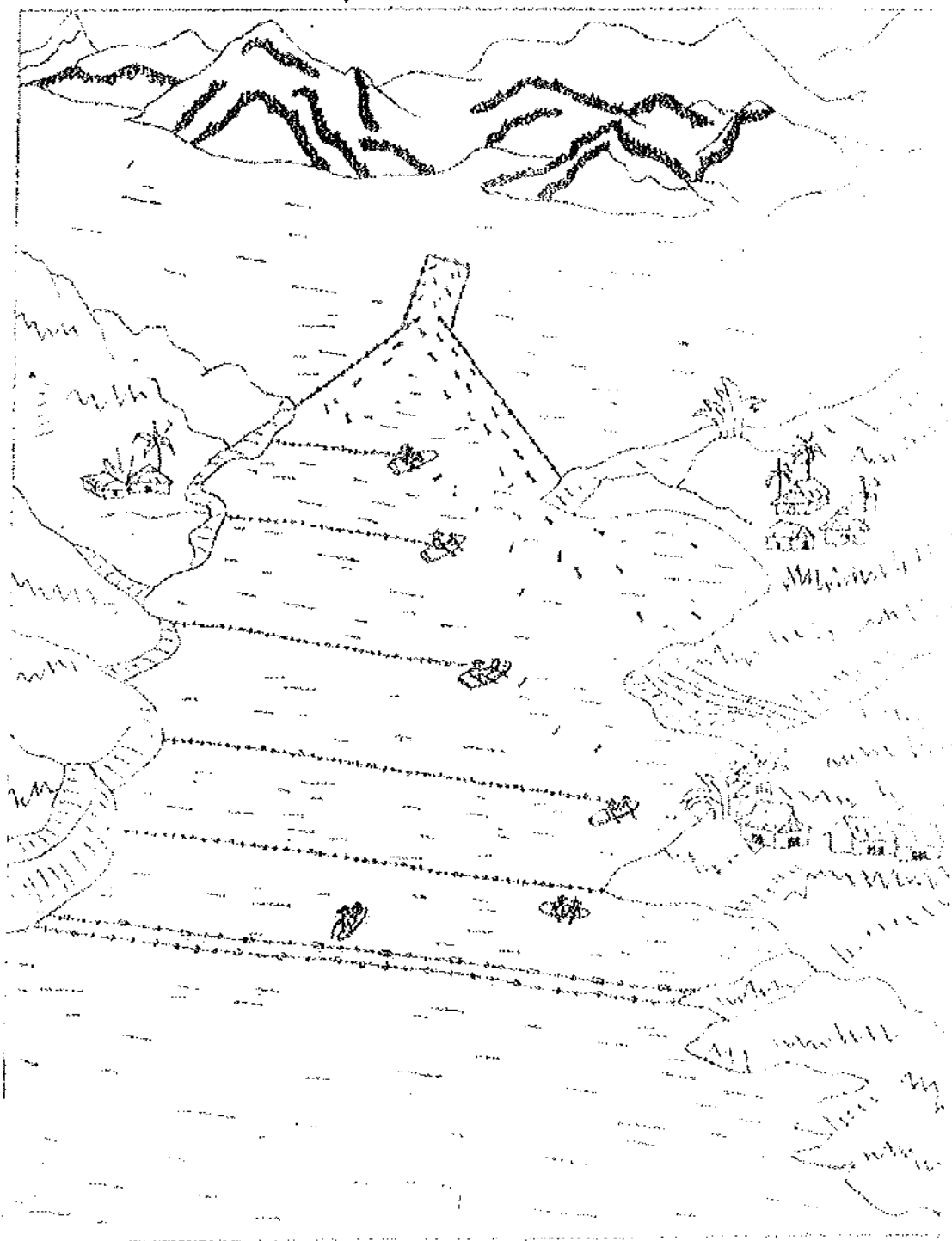
Hình 3. Các bộ phận của lưới chắn

1-Phao; 2-giềng phao; 3-dây thủy khấu; 4-áo
lưới; 5-giềng biên; 6-giềng chì; 7-viên chì



Hình 4. Hình phối cảnh lưới chuồng

1-Lưới đáy; 2-lưới tường bên; 3-phao sanh; 4-lưới
hom; 5-lưới nắp; 6- lưới cánh; 7-phao sanh; 8- neo và
dây neo; 9-dây ngang miệng; 10-đá dẫn miệng;
11-cửa hom; 12-dây chéo miệng; 13-giềng phao



Hình 5 : Sơ đồ khai thác cá hồ chứa bằng phương pháp liên hợp

1.6. Tình hình phát triển và nghiên cứu sản phẩm mới

Với đặc thù là Trung tâm sản xuất, cung cấp giống cho nuôi trồng thủy sản trên khắp địa bàn miền Trung. Trung tâm đã chủ động nghiên cứu đưa vào sản xuất hàng hóa nhiều loại cá nước ngọt, nước lợ và đã tạo được nhiều thành tựu góp phần vào việc phát triển ngành thủy sản tại khu vực.

- **Nghiên cứu và sinh sản nhân tạo thành công rô phi đơn tính dòng Gift**

Năm 2004, Trung tâm đã nghiên cứu thành công đối tượng này. Đây là đối tượng sản xuất chính của Trung tâm cung cấp cho thị trường trong tỉnh và khu vực. Rô phi đơn tính dòng Gift Phú Ninh là thương hiệu có uy tín trên thị trường.

- **Sản xuất giống thành công giống mới và đưa vào sản xuất đại trà từ năm 2005 đến nay như:** Tôm càng xanh (2005), cá rô đồng (2006), cá Bống tượng (2005), Éch Thái Lan 92005), cá Tra (2007), cá Lóc Bông (2008), cá Thác lạt cườm (2009), cá chép V1(2010), cá Diêu Hồng (2010), cá Trắm đen (2012), Cá Koi (2013), Lươn đồng (2016), cá Leo(2017), cá Chạch lấu (2018)...

- **Di giống, thuần hóa, sinh sản nhân tạo, thả tái tạo nguồn lợi và đa dạng sinh học ở các thủy vực nước ngọt tự nhiên và hồ Phú Ninh (các đối tượng này không phân bố tự nhiên ở Quảng Nam) như:** Tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*); Ba ba gai (*T. steinachderi*); Éch Thái Lan (*Rana rugulosa* Weigmann); Cá Tra (*Panganodon hypophthalmus*); cá Trắm đen (*Mylopharyngodon piceus*); cá còm (cá nạng hai - *Notopterus chitala ornate*); Cá rô phi dòng Gift (*Oreochromis niloticus*); Cá Mè Vinh (cá Bạc Lào - *Barbodes gonionotus*); Cá Leo (*Wallago attu*); Cá Lăng vàng (*Mystus nemurus*); Cá Lăng đuôi đỏ (*Mystus wyckoides*); Cá Lăng chấm (*Hemibagrus guttatus*); Cá Lăng nha (*Mystus wolffii*); cá Bống tượng (*Oxyeleotris marmoratus*), Cá Chim trắng (*Pampus argenteus*); Cá Chạch lấu (*Mastacembelus armatus*); Cá Hồ (*Catlocarpio siamensis*); Cá Trôi Việt (*Cirrhina molitorella*); Cá Trôi Ấn (*Labelo rohita*); Cá Rô đầu vuông (*Anabas testudineus*); Cá Koi (*Cyprinidae carpio*)...

Trong hơn 15 năm qua, Trung tâm đã di giống và thuần hóa trên 20 loài thủy sản nước ngọt để thả tái tạo vào thủy vực tự nhiên ở Quảng Nam - đặc biệt thả vào hồ Phú Ninh góp phần đa dạng sinh học, tiến tới để hồ Phú Ninh thành Khu bảo tồn thủy sinh nước ngọt theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh. Trong đó, một số đối tượng di giống, thuần hóa có khả năng sinh sản trong tự nhiên như: Tôm càng xanh; Cá Bống tượng; Cá rô phi dòng Gift; Cá Bạc Lào; Cá Lăng các loại; Cá Koi...

1.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa của Trung tâm được ban hành tại Quyết định số 90/QĐ-GTS ngày 27/10/2014 của Giám đốc Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam về Ban hành tiêu chuẩn chất lượng cơ sở hàng hóa chuyên ngành Giống Thủy sản và Thông báo số 307/TB-NTTS ngày 02/12/2014 của Chi cục trưởng Chi cục NTTS Quảng Nam về việc Thông báo tiếp nhận bảng công bố tiêu chuẩn cơ sở chất lượng Giống Thủy sản (có hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa Giống Thủy sản) đối với sản phẩm tiêu thụ trên địa bàn tỉnh. Đối với sản phẩm tiêu thụ ngoài

tính đơn vị phối hợp với Chi cục Thú Y Quảng Nam và Cục Thú Y vùng IV kiểm tra đánh giá chất lượng hàng hoá trước khi giao cho các tổ chức cá nhân ở ngoài tỉnh.

2. Tình hình hoạt động tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

2.1. *Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ba năm trước khi cổ phần hóa.*

Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2016 - 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
I	Phần thu	Tr. đồng	1.979	1.775	
1	Thu sự nghiệp dịch vụ		1.979	1.775	1.872
1.1	Thu từ hoạt động sản xuất và dịch vụ giống TS nước ngọt	Tr. đồng	1.395	1.159	1.386
1.2	Thu từ hoạt động khai thác cá mè hồ Phú Ninh		584	617	486
	Thu từ hoạt động dịch vụ khác	Tr. đồng	-	-	
2	Thu lệ phí	Tr. đồng	-	-	
3	Nguồn thu phí	Tr. đồng	-	-	
4	Nguồn thu hợp pháp khác		-	-	
II	Tổng chi	Tr. đồng	1.979	1.775	1.872
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	Tr. đồng	1.979	1.775	1.872
2	Chi từ nguồn thu phí để lại	Tr. đồng	-	-	
3	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác	Tr. đồng	-	-	
III	Chênh lệch thu - chi	Tr. đồng	-	-	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung Tâm

Trong quá trình hoạt động, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan trong đó có nhiều yếu tố thuận lợi và không ít yếu tố khó khăn trong sản xuất dịch vụ của Trung tâm.

a. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam tạo điều kiện cho Trung tâm nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để sản xuất các đối tượng giống mới phục vụ cho lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh và khu vực.

Có sự đoàn kết, nhất trí cao giữa Lãnh đạo trung tâm và các Phòng, Trạm chuyên môn nghiệp vụ và CBVC-NLĐ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao và sản xuất dịch vụ.

Trình độ đội ngũ cán bộ lãnh đạo Trung tâm; cán bộ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ ngày càng được nâng cao và chuyên nghiệp. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa chính quyền, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và tạo sự đồng thuận trong CBVC-NLĐ trong mọi lĩnh vực hoạt động của đơn vị.

Cơ sở vật chất kỹ thuật được trang bị đầy đủ, điều kiện tự nhiên và nguồn nước thuận lợi trong lĩnh vực sản xuất giống, cũng như khai thác nguồn lợi thủy sản trong hồ Phú Ninh

b. Khó khăn

Do biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết nóng lên quá ngưỡng so với đối tượng, ngành nghề mà đơn vị đang hoạt động. Nhất là đối với lĩnh vực sản xuất giống thủy sản (động vật biến nhiệt), do đó, kế hoạch sản xuất và dịch vụ luôn bị động và chịu nhiều rủi ro.

Mặc dầu, được UBND tỉnh giao quản lý bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản ở hồ Phú Ninh, nhưng hiệu quả khai thác năng suất không cao, thu chỉ bù đắp chi phí (cá giống thả hồ, trang bị ngư lưới cụ, nhiên liệu, nhân công...). Nguyên nhân do thượng nguồn của hồ có 08 xã dân cư sinh sống và thường xuyên khai thác trái phép bằng nhiều hình thức, đặc biệt khai thác huỷ diệt bằng xung điện, rở quây, chất nổ ...làm cho năng suất sinh học của hồ giảm đi đáng kể, mặc dầu đơn vị cùng đã phối hợp với Đồn công an Phú Ninh thường xuyên công tác bảo vệ trong hồ nhưng cũng chưa cải thiện được vấn đề này.

Một bộ phận lao động chưa xác định đúng chức năng, nhiệm vụ cụ thể; làm việc với năng suất, chất lượng thấp, do vậy ảnh hưởng đến hoạt động chung của Trung tâm.

III. THỰC TRẠNG VỀ TRUNG TÂM TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP 31/12/2018.

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tại thời điểm 31/12/2018, tình hình tài sản cố định của Trung tâm như sau:

Thực trạng tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018

ĐVT: đồng

Nhóm tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1. TSCĐ hữu hình	14.833.453.900	6.532.558.710	8.300.895.190
- Nhà cửa vật kiến trúc	13.544.728.000	5.384.160.800	8.160.567.200
- Máy móc thiết bị	581.894.000	562.449.000	19.445.000
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	548.680.800	487.151.700	61.529.100
- Tài sản cố định khác	158.151.100	98.797.210	59.353.890
2. Tài sản cố định vô hình	-	-	-

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

2. Thực trạng về tài chính

2.1. Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Giá trị tài sản của Trung tâm theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là: **8.712.931.351** đồng. Cụ thể như sau:

a) Phân theo cơ cấu tài sản

Cơ cấu tài sản tại thời điểm 31/12/2018

ĐVT: đồng

Khoản mục	Giá trị
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	379.219.493
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	210.860.315
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-
3. Các khoản phải thu	54.700.000
4. Hàng tồn kho	113.659.178
5. Tài sản ngắn hạn khác	-
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	8.333.711.858

1. Tài sản cố định	8.300.895.190
2. Tài sản dài hạn khác	32.816.668
3. Các khoản phải thu dài hạn	-
TỔNG CỘNG	8.712.931.351

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Trung Tâm đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2018)

b) Phân theo nguồn vốn:

Cơ cấu nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2018

DVT: đồng

KHOẢN MỤC	Giá trị
I. NỢ PHẢI TRẢ	84.112.451
1. Nợ ngắn hạn	84.112.451
2. Nợ dài hạn	-
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.628.818.900
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	295.107.042
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	8.333.711.858
TỔNG CỘNG	8.712.931.351

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Trung tâm đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2018)

2.2. Về vốn chủ sở hữu và công nợ

Vốn chủ sở hữu và công nợ tại thời điểm 31/12/2018

Tên chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
I. Vốn chủ sở hữu	8.628.818.900
1. Vốn góp của chủ sở hữu	134.491.122
2. Thặng dư vốn cổ phần	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-
4. Cổ phiếu quỹ	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-

8. Quỹ dự phòng tài chính	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	25.234.252
10. LN sau thuế chưa phân phối	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	135.381.668
II. Công nợ	
1. Các khoản phải thu	54.700.000
- Các khoản phải thu ngắn hạn	54.700.000
- Các khoản phải thu dài hạn	-
2. Các khoản phải trả	84.112.451
- Nợ ngắn hạn	84.112.451
- Nợ dài hạn	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Trung tâm đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2018)

3. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Lĩnh vực hoạt động	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian t/h HĐ	Đơn vị ký kết
1	Nuôi trồng Thủy sản	40/HĐKT-KNNL	18.360.000	07/05/2018 đến 30/10/2018	Trung tâm Khuyến ngư Nông lâm TP Đà Nẵng
2	Nuôi trồng Thủy sản	76/HĐ – KT	7.000.000	21/05/2018	Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Nông Sơn
3	Nuôi trồng Thủy sản	08/HĐ – NN&PTNT	167.992.920	10/10/2018 đến 10/11/2018	Phòng NN&PTNT huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

4. Thực trạng về lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2018, tổng số lao động của Trung tâm là: 23 người. Cụ thể như sau:

Lao động của Trung tâm tại thời điểm 31/12/2018

Tên chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân loại theo thời hạn hợp đồng	23	100
- Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	01	4,35
- Hợp đồng không xác định thời hạn	21	91,30
- Hợp đồng thời hạn từ 1 đến 3 năm	01	4,35
- Lao động dưới 1 năm	-	-
Phân loại theo trình độ lao động	23	100
- Từ đại học trở lên	08	34,78
- Cao đẳng	03	13,04
- Trung cấp	02	8,70
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	03	13,04
- Lao động phổ thông	07	30,43

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

Nguồn nhân lực của Trung tâm có những điểm mạnh sau:

- Đội ngũ CBVC-NLĐ của Trung tâm đa số đáp ứng được yêu cầu về trình độ tay nghề, về kinh nghiệm, phù hợp với công việc được giao.
- Đội ngũ viên chức quản lý và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo chính quy, có kỹ năng và kiến thức tốt về lĩnh vực hoạt động của Trung tâm.
- Hầu hết CBVC-NLĐ đều gắn bó, tâm huyết với công việc và có ý thức chấp hành kỷ luật và lao động tốt.

5. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai

Tính đến ngày 31/12/2018, Trung tâm còn được giao quản lý sử dụng các khu đất với tổng diện tích đất: **170.071,9m²**. chi tiết cụ thể như sau:

Tình hình quản lý và sử dụng đất của Trung tâm tại thời điểm 31/12/2018

Stt	Tên công trình	Xã, phường	Diện tích	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
1	Trụ sở làm việc Trung tâm	Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	10.826	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 11903 ngày 13/11/2015 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp
2	Nhà quản lý Trạm sản xuất giống TSNP Phú Ninh	Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	12.548,8	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 09218 ngày 19/12/2014 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp
3	Đất nuôi trồng thủy sản	Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	129.169,8	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất của Dự án thoát nước	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 09219 ngày 19/12/2014 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp
4	Đất nuôi trồng thủy sản	Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	17.527,3	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất của Dự án thoát nước	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 11904 ngày 13/11/2015 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp
Tổng			170.071,9		

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

Trung tâm còn được bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên diện tích mặt nước hồ Phú Ninh là: 32,1 km² (Kèm theo giấy phép hoạt động số 1274/GP – UBND ngày 19/04/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về nuôi và khai thác cá mè tự nhiên tại hồ chứa nước Phú Ninh).

Ngoài ra, Trung tâm có một nhà thao tác lưới diện tích xây dựng 210 m², năm xây dựng 1982, nhà kho và bãi đá du lịch Phú Ninh; Bãi đá bến cảng (trong hồ), vị trí xây dựng phía hạ lưu hồ bên phải hướng Tây Bắc, Cổng Bắc hồ chứa nước Phú Ninh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, tài sản này sẽ bàn giao cho đơn vị sự nghiệp công lập của ngành quản lý và được cho công ty cổ phần sau này được thuê lại cơ sở vật chất này để thực hiện nhiệm vụ của công ty cổ phần.

IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ.

1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam để thực hiện cổ phần hoá.

- Giá trị thực tế của đơn vị tại thời điểm 31/12/2018 của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam là **10.842.420.982** đồng.

- Nợ thực tế phải trả: **1.438.255.573** đồng.

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018 để cổ phần hóa là: **9.404.165.409** đồng.

Giá trị thực tế đơn vị để cổ phần hóa của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018 thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Dvt: đồng.

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2018	Số liệu xác định lại tại thời điểm 31/12/2018	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng	8.676.315.818	10.842.420.982	2.166.105.164
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	8.297.096.325	10.463.201.489	2.166.105.164
1. Tài sản cố định	8.264.279.657	10.423.403.089	2.159.123.432
<i>1.1 Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>8.264.279.657</i>	<i>10.423.403.089</i>	<i>2.159.123.432</i>
a) Nhà cửa, vật kiến trúc	8.123.951.667	10.090.544.427	1.966.592.760
<i>a1) Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>8.123.951.667</i>	<i>8.741.544.427</i>	<i>617.592.760</i>

a2) Nhà cửa, vật kiến trúc do tập thể và cá nhân CBVC-NLĐ Trung tâm đầu tư		1.349.000.000	1.349.000.000
b) Máy móc thiết bị	19.445.000	116.288.000	96.843.000
c) Phương tiện vận tải	61.529.100	128.037.260	66.508.160
d) Tài sản khác	59.353.890	88.533.402	29.179.512
1.2 Tài sản cho thuê tài chính	-	-	-
a) Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
b) Máy móc thiết bị	-	-	-
c) Phương tiện vận tải	-	-	-
1.3 Tài sản cố định vô hình	-	-	-
a) Phần mềm máy tính	-	-	-
b) Quyền sử dụng đất	-	-	-
c) Tài sản vô hình khác	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
a) Phải thu dài hạn khác	-	-	-
b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
5. Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
6. Tài sản dài hạn khác	32.816.668	39.798.400	6.981.732
a) Tài sản dài hạn khác	32.816.668	39.798.400	6.981.732
7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	379.219.493	379.219.493	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	210.860.315	210.860.315	-
a) Tiền mặt	150.489.363	150.489.363	-
b) Tiền gửi ngân hàng, kho bạc	60.370.952	60.370.952	-
c) Tiền đang chuyển	-	-	-

d) Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	54.700.000	54.700.000	-
a) Phải thu khách hàng	5.200.000	5.200.000	-
b) Trả trước cho người bán	49.500.000	49.500.000	-
c) Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
d) Các khoản phải thu khác	-	-	-
e) Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
f) Các khoản tạm ứng	-	-	-
4. Hàng tồn kho	113.659.178	113.659.178	-
a) Công cụ, dụng cụ ứ đọng kém mất phẩm chất	94.068.076	94.068.076	-
b) Chi phí SX, KD dở dang	19.591.102	19.591.102	-
5. Tài sản lưu động khác	-	-	-
a) Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
b) Thuế và các khoản phải thu NN	-	-	-
c) TSLĐ khác	-	-	-
d) Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng			
C. Tài sản chờ thanh lý	12.460.700	12.460.700	-
D. Tài sản không cổ phần hóa	24.154.833	24.154.833	
E. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)			
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN ĐƠN VỊ (A+B+C+D)	8.712.931.351	10.879.036.515	2.166.105.164
Trong đó:			
GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ (mục A)	8.676.315.818	10.842.420.982	2.166.105.164
E1. NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	89.755.601	1.438.255.573	1.348.499.972

E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
<i>E2a. Số dư nguồn kinh phí</i>			
<i>E2b. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định</i>	8.333.711.858	8.333.711.858	-
E3. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	19.591.102	19.591.102	
F. GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ {A-(E1+E2a)}	8.586.560.217	9.404.165.409	817.605.192
GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ THỜI ĐIỂM 31/12/2018		9.404.165.409	

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/12/2018)

2. Những vấn đề còn tiếp tục xử lý trước và sau khi cổ phần hoá liên quan đến giá trị doanh nghiệp:

- Giá trị vật tư hoá chất hết hạn sử dụng cần thanh lý tiêu huỷ và giảm giá trị doanh nghiệp, cụ thể là 94.068.076 đồng (Chín mươi tư triệu, không trăm sáu tám ngàn, bảy sáu đồng), Trung tâm phải thực hiện thanh lý trước khi bàn giao cho công ty cổ phần.

- Xác định giá đất cụ thể khi thực hiện cổ phần hóa:

Theo công văn số 1153/STNMT-QLDD ngày 12/07/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm thì không phải tính tiền thuê đất trả tiền hằng năm và giá trị lợi thế vị trí địa lý vào giá trị danh nghiệp trước khi phê duyệt phương án cổ phần hóa. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 180 Luật Đất đai thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ pháp lý để xây dựng Phương án cổ phần hóa Trung tâm như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

- Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/06/2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ.

- Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ Tướng Chính Phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

- Quyết định số 3619/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam ngày 05/11/2008 về việc thành lập Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.

- Quyết định số 2616/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam ngày 07/08/2009 về việc Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 về thành lập Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam chuyển thành công ty cổ phần.
- Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/06/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Quyết định số 164/DQQ-BCĐ ngày 09/07/2018 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam.
- Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 31/07/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam.
- Thông báo số 41/TB-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại buổi làm việc về tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.
- Thông báo số 22/TB-BCĐ ngày 28/2/2019 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam.
- Thông báo số 128/TB-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp về tiến độ CPH các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh và các nội dung liên quan đến việc chưa thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất tại các đơn vị CPH.
- Căn cứ Công văn số 1091/STC-TCDN ngày 08/5/2019 của Sở Tài chính Quảng Nam về việc cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn tại Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Thông báo số 180/TB-UBND ngày 20/05/2019 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp nghe báo cáo về công tác xác định giá trị cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam và các đơn vị liên quan.
- Công văn số 3104/UBND-KTTH ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đối với Trung tâm giống Nông –

Lâm nghiệp Quảng Nam, Trung tâm giống Thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn, Đoàn quản lý đường thủy nội địa Quảng Nam.

- Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam để thực hiện cổ phần hoá

- Căn cứ Tờ trình số 259/TTr-BCĐ ngày 26/8/2019 của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam về việc Đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí thực hiện Cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, lần 2.

- Căn cứ Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt phương án sử dụng lao động khi thực hiện chuyển Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam thành công ty cổ phần.

- Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-SNN&PTNT ngày 17/9/2019 của Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Nam về việc thanh lý tiêu huỷ hoá chất hết hạn sử dụng.

- Tờ trình số 5534/TTr-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cho phép bán toàn bộ vốn Nhà nước khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam thành công ty cổ phần.

- Thông báo số 325/TB-UBND ngày 27/9/2019 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-STC ngày 04/10/2019 của Sở Tài chính Quảng Nam về việc điều chuyển tài sản của Trung tâm Giống Thủy sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh quản lý, sử dụng.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Việc cổ phần hóa Trung tâm là nhằm các mục tiêu sau đây:

- Cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam nhằm thực hiện chủ trương của Nhà nước hướng đến mục tiêu chuyển hình thức Nhà nước sở hữu 100% vốn sang hình thức đa sở hữu, đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức quản trị doanh nghiệp, tái cơ cấu lại tình hình tài chính, đồng thời huy động thêm nguồn vốn từ các nhà đầu tư và vốn xã hội để đầu tư phát triển hoạt động sản xuất – dịch vụ giống thủy sản.

- Xác định rõ quyền lợi, trách nhiệm về tính bảo toàn và phát triển nguồn vốn được Nhà nước giao một cách tốt nhất cũng như các lợi ích kinh tế khác. Đảm bảo được thể chủ động trong kinh doanh, tập trung sâu về chuyên môn, lĩnh vực kinh doanh đồng

thời đa dạng hóa trên các lĩnh vực hoạt động tạo thế phát triển mạnh, bền vững, phù hợp với luật Doanh nghiệp và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc, công tác quản lý nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động. Đảm bảo phát triển doanh nghiệp bền vững và không ngừng nâng cao vị thế của Công ty trong nước cũng như trên thị trường quốc tế.

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn trách nhiệm, công việc và quyền lợi của các cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của các cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ Điều 3, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần.

Căn cứ Khoản 1, Điều 3 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Trung tâm chọn hình thức cổ phần hóa: Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại Đơn vị.

3. Thông tin cơ bản về Công ty cổ phần

Tên tiếng Việt đầy đủ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM
Tên tiếng Anh	:	QUANG NAM AQUACULTURE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ trụ sở chính	:	Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam
Điện thoại	:	0235.3856116
Fax	:	0235.3856116

4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

4.1. Mục tiêu hoạt động

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh đang hoạt động, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và người lao động, cải thiện đời sống vật

chất, tinh thần, điều kiện làm việc cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm tăng lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông; tạo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống cho người lao động; làm nghĩa vụ với Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

4.2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất giống thủy sản nội địa	03224
2	Khai thác thủy sản nước ngọt	03122
3	Chế biến thủy sản	1020
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
5	Hoạt động vui chơi giải trí khác gắn với ngành nghề Chi tiết: Khu vui chơi giải trí sinh thái	9329
6	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: Câu cá giải trí	9319

Tùy vào tình hình thực tế trong quá trình hoạt động. Công ty cổ phần sẽ đăng ký thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh cho phù hợp.

5. Quy mô vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

5.1. Căn cứ xây dựng vốn điều lệ

- Định hướng phát triển Công ty cổ phần giai đoạn 2020 - 2022.
- Giá trị phần vốn Nhà nước thực tế của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm ngày 31/12/2018 là: 9.404.165.409 đồng

5.2. Quy mô vốn điều lệ

Quy mô vốn điều lệ

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn điều lệ	9.400.000.000 đồng
Mệnh giá một cổ phần	10.000 đồng/ cổ phần
Số lượng cổ phần	940.000 cổ phần

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

5.3. Cơ cấu vốn điều lệ

TT	Cổ đông	SL CP sở hữu	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn Điều lệ (%)
1	Nhà nước	47,000	470,000,000	5.00%
2	Người lao động	47,000	470,000,000	5.00%
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm thực tế làm việc (khoản 1 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015)</i>	29,000	290,000,000	3.09%
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc lâu dài (khoản 2 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015)</i>	18,000	180,000,000	1.91%
3	Công đoàn Công ty	-	-	0.00%
4	Nhà đầu tư chiến lược	-	-	0.00%
5	Nhà đầu tư khác	846,000	8,460,000,000	90.00%
	Tổng	940,000	9,400,000,000	100.00%

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

Lý do Nhà nước lựa chọn nắm giữ 5% vốn điều lệ công ty cổ phần:

- Nhằm đảm bảo thực hiện đúng Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

- Theo quy định tại Điều 6, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội, Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành. Như vậy, Nhà nước nắm giữ 5% vốn điều lệ của công ty cổ phần thì Nhà nước trở thành cổ đông lớn của công ty cổ phần, có ảnh hưởng nhất định đến Đơn vị sau cổ phần hóa, hỗ trợ Đơn vị trong giai đoạn đầu chuyển đổi hình thức từ đơn vị sự nghiệp công lập sang công ty cổ phần.

- Bên cạnh đó, việc Nhà nước nắm giữ 5% vốn điều lệ công ty cổ phần sẽ không làm giảm tính hấp dẫn của Đơn vị khi chào bán lần đầu ra công chúng.

Cơ cấu vốn điều lệ chính thức của Công ty cổ phần sẽ được xác định sau khi có kết quả bán cổ phần và được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt.

6. Phương án bán cổ phần phát hành lần đầu

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần Trung tâm thực hiện bán cổ phần qua các phương thức sau:

-Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên được thực hiện tại đơn vị, theo danh sách đã được (các) cấp có thẩm quyền phê duyệt.

-Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá theo quy định tại tổ chức tài chính trung gian.

6.1 Phương án bán cổ phần lần đầu ra công chúng

a. Đối tượng bán cổ phần

Nhà đầu tư thông thường trong nước, nước ngoài (quy định tại Điều 4 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg), bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong Công ty) ngoại trừ các đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, không được tham gia đấu giá mua cổ phần do đơn vị phát hành lần đầu gồm: Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa (trừ các thành viên là đại diện của các đơn vị sự nghiệp công lập), các tổ chức tài chính trung gian, các cá nhân trực tiếp tư vấn, định giá, đấu giá bán cổ phần của đơn vị sự nghiệp công lập không được tham gia đấu giá mua cổ phần phát hành lần đầu của đơn vị đó.

b. Phương thức bán cổ phần

Đấu giá công khai thông qua tổ chức tài chính trung gian.

c. Khối lượng bán cổ phần

Số cổ phần bán đấu giá công khai cho các Nhà đầu tư là: 846.000 cổ phần, có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần: 8.460.000.000 đồng (tám tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu đồng), chiếm 90,00 % vốn điều lệ.

d. Giá khởi điểm

Căn cứ trên tình hình sản xuất kinh doanh, đặc thù ngành cũng như kế hoạch trong sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, để bảo toàn vốn Nhà nước, Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Ban lãnh đạo Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam kiến nghị mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam là 10.000 đồng/cổ phần (Bằng chữ: Mười ngàn đồng).

e. Thời gian, địa điểm tổ chức bán cổ phần

- Thời gian thực hiện: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa.

- Địa điểm tổ chức đấu giá công khai: tổ chức tài chính trung gian

Thời gian, địa điểm, phương thức bán cổ phần ra bên ngoài sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế bán đấu giá cổ phần do Tổ chức thực hiện đấu giá được lựa chọn ban hành.

6.2 Phương án bán cổ phần cho Người lao động trong Công ty

a. Cổ phần bán ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị đơn vị: 20 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 20 người.
- Tổng số năm công tác được mua cổ phần: 290 năm, tương ứng với tổng số cổ phần tối đa được mua ưu đãi là: 29.000 cổ phần.
- Số cổ phần được mua tối đa cho một năm công tác của 01 người lao động: 100 cổ phần/năm.
- Tổng số cổ phần bán cho người lao động ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước: 29.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3.09 % vốn điều lệ.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Thời gian thực hiện: Sau khi bán đấu giá công khai.

b. Cổ phần bán ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu như sau:

+ Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động:

- Số người được mua: 09 người
- Số cổ phần đã đăng ký: 18.000 cổ phần

+ Mua thêm 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người đối với đối tượng là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập:

- Số người được mua: 0 người
- Số cổ phần đã đăng ký: 0 cổ phần

- Tổng số lao động có cam kết tiếp tục làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất 03 năm (36 tháng) kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi theo mô hình Công ty cổ phần là: 11 người.

- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi thêm: 47.000 cổ phần, chiếm 5,00 % vốn điều lệ.

- Giá bán: là giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.

- Thời gian thực hiện: Sau khi bán đấu giá công khai.

6.3 . Cổ phần bán ưu đãi cho Công đoàn

- Số cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn là 0 cổ phần, với tổng mệnh giá là 0 đồng, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Ban chấp hành Công đoàn Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam đã có Công văn gửi Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, Sở Tài chính xem xét năng lực tài chính của Công đoàn và đã có kết luận không đủ điều kiện để mua cổ phần ưu đãi và đã thông qua Hội nghị CBVC-NLĐ Trung tâm với tỷ lệ biểu quyết là 100%.

6.4 Chào bán cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Điểm b, Khoản 3, Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP: Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam không thuộc nhóm các doanh nghiệp mà Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa. Vì vậy, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam không thuộc nhóm đối tượng cần tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược.

7. Phương án sử dụng lao động

7.1. Phương án sử dụng lao động

Trên cơ sở số lao động hiện có và nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động. Phương án sắp xếp và đào tạo lại người lao động của Công ty dự kiến như sau:

TT	Nội dung	Số lượng
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN	20
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	01

TT	Nội dung	Số lượng
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động	19
	<i>Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn</i>	18
	<i>Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng</i>	01
	<i>Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng</i>	-
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	-
II	Tổng số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố GTDN	09
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	-
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	-
	<i>Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động và hưởng trợ cấp thất nghiệp</i>	0
	<i>Hết hạn hợp đồng lao động</i>	-
	<i>Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động</i>	-
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố GTDN	09
	<i>Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP</i>	06
	<i>Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP</i>	0
	<i>Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm</i>	-
4	Số lao động là viên chức điều chuyển công tác	03
III	Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại CTCP	11
1	Số lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh	11
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	-
	<i>Ôm đau</i>	-
	<i>Thai sản</i>	-

TT	Nội dung	Số lượng
	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	-
	Nghĩa vụ quân sự	-
	Nghĩa vụ công dân khác	-
	Bị tạm giam, tạm giữ	-
	Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	-

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: **239,457,372** đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

Trong đó:

a) Số người lao động thôi dự tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 18/10/2000 là: 02 người, với chi phí giải quyết chính sách lao động thôi dự thuộc đối tượng này dự kiến là: 153.459.572 đồng.

b) Số người lao động thôi dự tuyển dụng lần cuối cùng sau ngày 18/10/2000 là: 04 người, với chi phí giải quyết chính sách lao động thôi dự thuộc đối tượng này dự kiến là: 85.997.800 đồng.

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	11	100,00%
Phân theo trình độ lao động	11	100,00%
- Trên đại học	-	-
- Trình độ đại học	04	36,36%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	04	-
- Trình độ khác	03	63,63%
Phân theo loại hợp đồng lao động	11	100,00%
- Lao động không thuộc diện ký HĐ	01	9,09%
- Hợp đồng không thời hạn	09	81,81%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	01	9,09%
- Hợp đồng thời vụ	-	-
Phân theo giới tính	11	100,00%
- Nam	06	54,55%

- Nữ	05	45,45%
------	----	--------

7.2. Phương án đào tạo lại người lao động: Không có

8. Chi phí cổ phần hóa:

Căn cứ Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 31/07/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam. Đơn vị dự toán tổng chi phí cổ phần hóa là 320.950.000 đồng. Cụ thể, tổng mức chi phí cổ phần hóa dự kiến gồm các khoản mục chính sau:

STT	CÁC KHOẢN CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA	SỐ TIỀN (đồng)
I	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	65.000.000
1	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản doanh nghiệp	5.000.000
2	Chi phí Hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hoá	10.000.000
3	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp, chi phí đăng báo	10.000.000
4	Chi phí thuê kiểm toán BCTC tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	20.000.000
5	Chi phí tổ chức bán cổ phần	10.000.000
6	Chi phí ĐHĐCĐ lần đầu	10.000.000
II	Chi phí thuê tư vấn xác định GTDN, CPH	128.750.000
2	Chi phí tư vấn xác định giá trị Doanh nghiệp	74.250.000
4	Chi phí thuê tư vấn lập phương án CPH	54.500.000
III	Chi thù lao cho Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc CPH	112.200.000
1'	Chi phí thù lao Ban chỉ đạo	45.000.000
2	Chi phí thù lao Tổ giúp việc	67.200.000
IV	Chi phí khác	15.000.000
	TỔNG CỘNG	320.950.000

Ngoài ra, Trưởng Ban chỉ đạo đã có Tờ trình số 259/TTr-BCĐ ngày 26/8/2019 của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam về việc bổ sung

kinh phí 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) về khoản chi phí thuê tư vấn xác định giá trị tài sản tập thể và cá nhân để đưa vào giá trị doanh nghiệp.

Chi phí cổ phần hóa của Trung tâm sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

9. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch thu và sử dụng tiền từ bán cổ phần chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm (giá sử là 10.000 đồng/cổ phần) và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/cổ phần, giá bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên là 6.000 đồng/cổ phần):

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
1	Giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	a	9,404,165,409
2	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	b	9,400,000,000
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	c	8,814,000,000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		354,000,000
	Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước (mua theo giá bán là 6.000 đồng/cổ phần)		174,000,000
	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần		180,000,000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn		-
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		-
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		8,460,000,000
4	Phần chênh lệch giữa giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	d = a-b	4,165,409

	với vốn điều lệ		
5	Chi phí cổ phần hoá dự kiến	e	320,950,000
6	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	f	239,457,372
7	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh Nghiệp	$g = c + d - e - f$	8,257,758,037

10. Phương án sử dụng đất đai sau cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam việc quản lý, sử dụng đất sau cổ phần hóa của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam như sau:

Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

ĐVT: m²

Sít	Tên công trình	Xã, phường	Diện tích	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
1	Trụ sở làm việc Trung tâm	Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	10.826	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 11903 ngày 13/11/2015 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp
2	Nhà quản lý Trạm sản xuất giống TSNN Phú Ninh	Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	12.548,8	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 09218 ngày 19/12/2014 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

3	Đất nuôi trồng thủy sản	Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	129.169,8	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất của Dự án thoát nước	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 09219 ngày 19/12/2014 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đất nuôi trồng thủy sản
4	Đất nuôi trồng thủy sản	Thôn Trung Dân, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	17.527,3	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất của Dự án thoát nước	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 11904 ngày 13/11/2015 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đất nuôi trồng thủy sản
Tổng			170.071,9				

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

11. Phương án tổ chức Công ty cổ phần

Dự kiến cơ cấu tổ chức quản lý Công ty cổ phần gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.

10.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty cổ phần nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần.

10.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty cổ phần (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông) và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần có 5 thành viên gồm: Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 3 uỷ viên; trong đó 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị được quyền kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành của Công ty cổ phần.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác của Giám đốc điều hành. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty cổ phần.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Điều lệ Công ty cổ phần quy định.

10.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là những người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty cổ phần nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần có 3 thành viên; trong đó, phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty cổ phần và không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty cổ phần. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty cổ phần và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty cổ phần.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là 5 năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty cổ phần quy định.

10.4. Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác

a. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty cổ phần phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty cổ phần có một 01 Giám đốc điều hành, 03 Phó Giám đốc điều hành và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

b. Giám đốc điều hành

Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty cổ phần; chịu sự giám sát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần.

c. Bộ máy giúp việc cho Giám đốc điều hành

- Phó Giám đốc: Giúp việc Giám đốc có các Phó Giám đốc. Phó Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

- Các phòng, ban chuyên môn của Công ty cổ phần: có chức năng tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc điều hành trong công tác quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Dự kiến Công ty cổ phần sẽ thành lập 01 phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, 01 trạm sản xuất.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Mục tiêu

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và người lao động, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm tăng lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông; tạo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống cho người lao động; làm nghĩa vụ với Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

2. Định hướng phát triển Công ty cổ phần

Sau cổ phần hóa, định hướng phát triển của Công ty cổ phần như sau:

- Phát huy các lợi thế có được để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần. Từ đó, làm tiền đề phấn đấu thực hiện mục tiêu thu nhập của người lao động, hoàn thành chỉ tiêu đặt hàng và nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

- Phát huy, tận dụng và khai thác triệt để nguồn lực hiện có của Công ty về lao động, lợi thế về máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng...kết hợp với đầu tư phát triển chiều rộng và chiều sâu, lấy hiệu quả làm trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức lại bộ máy quản lý và tổ chức sản xuất phù hợp với quy mô sản xuất, đảm bảo yêu cầu vừa tinh giản, vừa đáp ứng được yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.

3. Biện pháp tổ chức thực hiện:

3.1. Về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm tiếp theo, Công ty cổ phần thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tiếp tục duy trì và phát huy thế mạnh trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất giống, khai thác cá trong lòng hồ Phú Ninh;

- Mở rộng ngành nghề chế biến thủy sản;
- Đầu thầu thêm dịch vụ công trong ngành;
- Đổi mới công nghệ hiện đại phục vụ nghiên cứu, sản xuất;
- Nâng cao năng suất lao động của người lao động trong Công ty;
- Tổ chức phân tích, tìm hiểu thị trường để đưa ra những sản phẩm, dịch vụ mới nhằm từng bước tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

3.2. Về công tác quản lý

- Về bộ máy: Sẽ tiến hành sắp xếp lại bộ máy theo mô hình tổ chức gọn nhẹ, làm việc có hiệu quả; song song với việc kiện toàn bộ máy tổ chức đơn vị cũng sẽ xây dựng cơ chế hỗ trợ các tổ chức đoàn thể trong đơn vị hoạt động tốt để nhằm động viên, phát huy quyền dân chủ của người lao động nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động.

- Về quản lý điều hành: tiến hành xây dựng các quy chế quản lý điều hành phù hợp với loại hình doanh nghiệp mới, phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay.

3.3. Về phát triển nguồn nhân lực

- Lao động còn lại sau khi chuyển sang Công ty cổ phần là 11 người. Lực lượng lao động này sẽ sắp xếp phù hợp với khả năng trình độ chuyên môn của từng người.

- Đào tạo lại lao động cho phù hợp với định hướng tổ chức sản xuất mới của doanh nghiệp, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động đáp ứng kịp thời đối với nền kinh tế thị trường hiện nay. Đào tạo lại cũng là một biện pháp hỗ trợ tích cực cho việc sắp xếp lại lao động theo mô hình tổ chức mới, phù hợp với năng lực lao động sẵn có, đảm bảo quyền lợi cho người lao động sau khi cổ phần hoá.

- Lực lượng lao động đào tạo lại như sau:

+ Các đối tượng có trình độ Đại học sẽ được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và tham dự các lớp tập huấn theo quy định để đảm bảo hành nghề cá nhân đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời cập nhật những thông tin quản lý, nghiệp vụ, nghề nghiệp, nhất là hiện nay các văn bản qui định mới được ban hành, nếu không cập nhật kịp thời sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

+ Các đối tượng có trình độ Cao đẳng, trung cấp: cập nhật thêm thông tin, nâng cao năng lực cá nhân học tập thêm kinh nghiệm đối với các ngành nghề doanh nghiệp dự kiến mở rộng thêm.

+ Công nhân kỹ thuật: Đào tạo cho phù hợp với từng loại lao động, phù hợp với mô hình tổ chức mới, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu chuyên môn hoá và các yêu cầu cần thiết của nền kinh tế thị trường. Việc đào tạo lại nhằm sắp xếp lao động cho phù hợp với các

ngành nghề kinh doanh mới của doanh nghiệp theo chủ trương chung là sử dụng tối đa lực lượng lao động hiện có tại doanh nghiệp.

- Tuyển dụng thêm lao động phù hợp với ngành nghề mở rộng của Công ty.

3.4. Về hoạt động tài chính

Lập phương án chi tiết để huy động vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp, nâng cao thu nhập cho người lao động.

3.5. Công tác quản trị hành chính

- Tăng cường công tác bảo vệ an ninh trật tự và an toàn lao động, bảo vệ tài sản của Công ty cổ phần ...
- Xây dựng và đổi mới hệ thống các quy định quản lý nội bộ phù hợp với pháp luật và hình thức sở hữu.

3.6. Giải pháp về công nghệ

- Thay thế dần các máy móc thiết bị lỗi thời; đầu tư trang thiết bị hiện đại đổi mới công nghệ để tăng hiệu quả trong quá trình nghiên cứu, sản xuất giống, khai thác và chế biến xuất khẩu thủy sản.
- Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và khai thác hệ thống thông tin chung trên mạng để phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời và có hiệu quả.

3.7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 - 2022

Trên cơ sở mục tiêu, định hướng phát triển nói trên và dự báo môi trường kinh doanh kết hợp với phân tích tình hình hoạt động kinh doanh trong giai đoạn trước khi cổ phần hoá. Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch SXKD giai đoạn 2020 - 2022 của Công ty cổ phần như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
I	Vốn điều lệ	Đồng	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
II	Doanh thu thuần	Đồng	2.140.000.000	2.292.000.000	2.530.000.000
1	Doanh thu từ bán cá giống	Đồng	1.500.000.000	1.575.000.000	1.650.000.000
2	Doanh thu từ khai thác cá trên hồ Phú Ninh	Đồng	540.000.000	567.000.000	630.000.000
3	Doanh thu từ dịch vụ du lịch (dịch vụ ăn uống, câu cá sinh thái...)	Đồng	100.000.000	150.000.000	250.000.000
	Mức tăng trưởng doanh thu		14,26%	7,10%	10,38%

III	Tổng chi phí	Đồng	1.810.000.000	1.942.000.000	2.110.000.000
IV	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	330.000.000	350.000.000	420.000.000
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu (%)		15,42%	15,27%	16,60%
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ (%)		3,51%	3,72%	4,47%
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	66.000.000	70.000.000	84.000.000
VI	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	264.000.000	280.000.000	336.000.000
	Suất sinh lợi của Doanh thu (LNST/Doanh thu)		12,34%	12,22%	13,28%
	Tỷ suất LN sau thuế/ vốn điều lệ (%)		2,81%	2,98%	3,57%
1	Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	Đồng	26.400.000	28.000.000	33.600.000
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế)	Đồng	26.400.000	28.000.000	33.600.000
3	Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức	Đồng	211.200.000	224.000.000	268.800.000
	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ (%)		2,25%	2,38%	2,86%
VII	Lao động và thu nhập				
1	Tổng số lao động	Người	15	15	15
2	Tổng quỹ lương	Đồng	730.000.000	760.000.000	790.000.000
3	Thu nhập bình quân/ người/tháng	Đồng/ người/tháng	5.000.000	5.200.000	5.400.000

Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam

- Kế hoạch sản xuất 03 triệu con giống các loại gồm rô phi đơn tính, điêu hồng, trắm cỏ, chép, tra, trôi, mè... Kích cỡ cá giống 200 con/kg, đơn giá bình quân cá giống 100.000đ/kg. Sản lượng cá thịt 30 tấn/năm, giá bình quân 18.000đ/kg.

3.8. Những thuận lợi và khó khăn sau cổ phần hóa

a. Thuận lợi

Chuyển đổi Đơn vị sự nghiệp Công lập thành công ty cổ phần tạo nên một sự chuyển đổi mạnh mẽ trong phương thức quản lý điều hành, phát triển kinh doanh, đa

dạng hóa dịch vụ, phát triển quy mô, đổi mới công nghệ, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đơn vị sẽ mạnh dạn huy động vốn từ các nguồn khác nhau để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Công tác tổ chức lại bộ phận sản xuất sẽ thực hiện linh hoạt theo tình hình sản xuất của Công ty.

b. Khó khăn

Sẽ phải mất một thời gian ban đầu để ổn định, tổ chức lại sản xuất theo tình hình mới của Công ty cổ phần nên ảnh hưởng tư tưởng của người lao động.

Quy trình hoạt động còn chưa được nhanh gọn, linh hoạt, tốc độ xử lý thông tin quản trị đơn vị còn chậm.

Vẫn còn một số người lao động tuy trẻ, có năng lực nhưng do cơ cấu ngành nghề hoạt động nên còn yếu về kiến thức thực tiễn trong tình hình mới.

Tài sản không cổ phần hóa, bao gồm: nhà thao tác lưới, nhà kho, bãi đá bến cảng du lịch Phú Ninh và bãi đá bến cảng trong hồ. Đây là các tài sản gắn liền với phần đất không có trong phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa nên các tài sản này sẽ được điều chuyển sang đơn vị khác quản lý khi Trung tâm chuyển sang công ty cổ phần. Điều này gây khó khăn trong việc thả cá giống, tu sửa ngư lưới cụ, phương tiện ghe thuyền và quản lý, khai thác cá thịt tại hồ chứa nước Phú Ninh; Ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đây là một trong những nhiệm vụ và nguồn thu chính của Công ty cổ phần.

IV. DỰ KIẾN MỘT SỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT. KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Rủi ro kinh tế

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

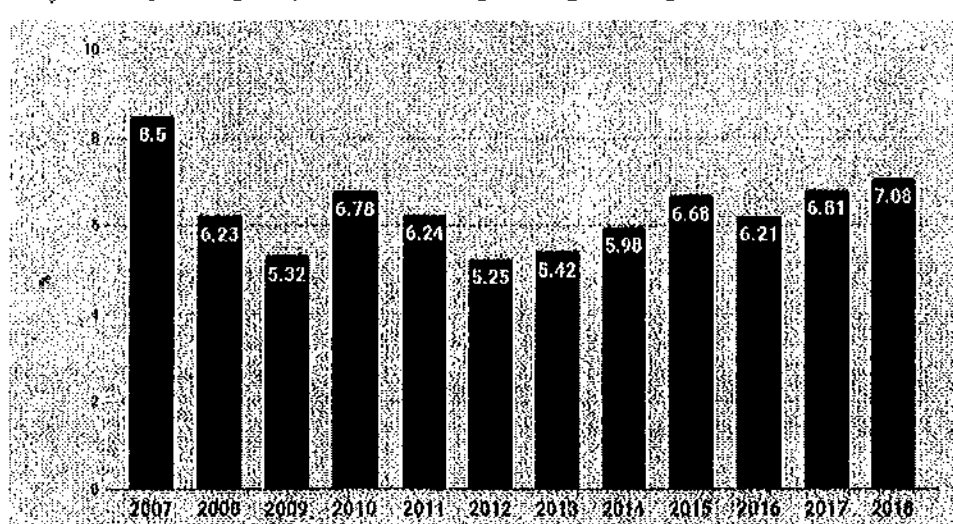
❖ Tăng trưởng kinh tế:

Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm nay đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2008. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn

2012-2018. Trong đó, ngành nông nghiệp tiếp tục phục hồi rõ nét khi đạt mức tăng 2,89%, cao nhất giai đoạn 2012-2018.

Năm 2017, kinh tế thế giới phục hồi tốt hơn, tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6% (cao hơn 0,5 điểm % so với năm 2016) nhờ sự gia tăng đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Các nền kinh tế chủ chốt đều có sự phục hồi vững chắc đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Xét ở Việt Nam, GDP 2017 ước tăng 6,7%, cao hơn khoảng 0,5 điểm % so với năm 2016 nhờ sự cải thiện mạnh về tổng cung của nền kinh tế. Trong 0,5 điểm % tăng thêm của tăng trưởng năm 2017 so với năm 2016, khu vực dịch vụ đóng góp nhiều nhất với 0,26 điểm % nhờ kết quả tăng trưởng ấn tượng của hoạt động bán buôn bán lẻ và ngành du lịch, tiếp theo là khu vực nông, lâm, thủy sản với 0,23 điểm %, và cuối cùng khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 0,04 điểm %. Đáng chú ý là trong bối cảnh ngành khai khoáng tiếp tục giảm sâu, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đã có mức tăng trưởng cao nhất trong những năm gần đây để trở thành động lực dẫn dắt khu vực công nghiệp và xây dựng duy trì mức tăng tương đương năm 2016.



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng GDP nhanh sẽ kéo theo tăng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và ngược lại. Do đó, những biến động của chỉ số GDP ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty nói chung và Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam nói riêng.

❖ **Lạm phát:**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 và tăng 2,98% so với tháng 12 năm 2017. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2018 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2018.

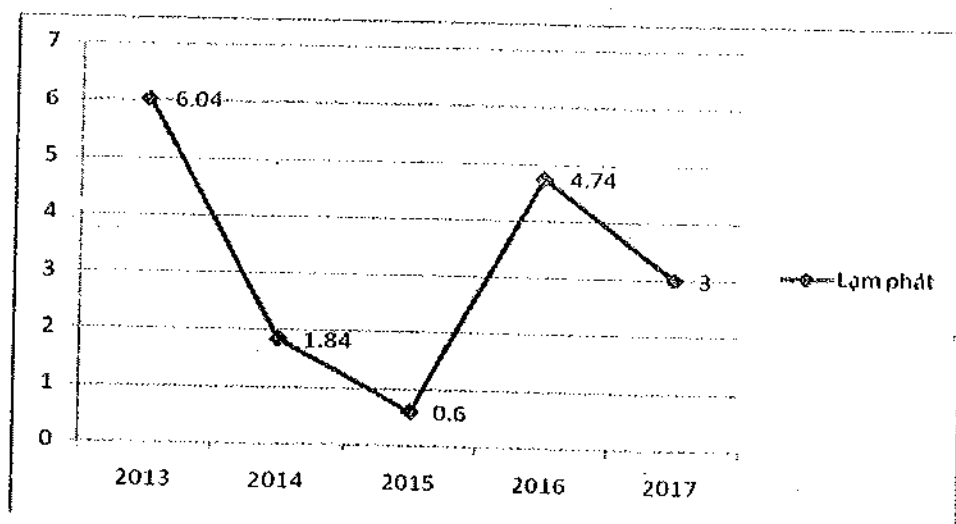
Lạm phát tổng thể của Việt Nam năm 2017 ước tăng khoảng 3% so với năm 2016, là năm thứ 4 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5% và cho thấy nền tảng của ổn định vĩ mô đang được thiết lập rõ nét.

Lạm phát thấp hơn so với năm 2016 do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng chậm hơn, trong khi giá thực phẩm giảm. Cụ thể: Giá dịch vụ y tế tăng khoảng 45% và giáo dục tăng khoảng 8% so với cùng kỳ, ước làm CPI tổng thể tăng 2,1 điểm % (thấp hơn mức 3,1 điểm % năm 2016). Trong khi đó, giá thực phẩm giảm mạnh trong những tháng đầu năm đã góp phần làm CPI tổng thể giảm khoảng 0,7 điểm % so với năm 2016.

Ở chiều ngược lại, do chịu tác động của sự tăng giá dầu và giá sắt thép trên thế giới, nhóm giao thông và nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng trong năm 2017 cũng đã tăng lần lượt 5% và 7% so với năm trước, đóng góp làm CPI tổng thể tăng khoảng 0,81 và 0,49 điểm %.

Năm 2017 là năm thứ 3 liên tiếp lạm phát cơ bản duy trì ổn định ở mức dưới 2% (năm 2017: 1,7%; năm 2016: 1,87%; năm 2015: 1,69%). Về phía chi phí đẩy, chi phí sản xuất không có sự gia tăng đáng kể (9 tháng đầu năm 2017 chỉ số giá sản xuất tăng 0,71% so với cùng kỳ năm trước).

Tốc độ lạm phát qua các năm (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức dưới hai con số sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng

chéo nhau, gây ra không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Công ty hoạt động trong dưới thẩm quyền của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chung cũng như chuyên ngành đều chưa chặt chẽ và thống nhất. Những quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại... cũng như các quy định khác liên quan tới ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp một cách trực tiếp hay gián tiếp.

3. Rủi ro đặc thù

Ngành nghề kinh doanh của công Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ khí hậu. Thời tiết những năm gần đây diễn biến phức tạp, gây bất lợi cho người nuôi trồng thủy sản.

4. Rủi ro đợt chào bán cổ phần phát hành lần đầu

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đầu giá.

5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: rủi ro do hoả hoạn, rủi ro thiên tai....Những rủi ro này có thể sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần.

V. ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty cổ phần phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Theo quy định tại Khoản 03 Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017).

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi UBND tỉnh có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam thành công ty cổ phần. Trung tâm sẽ triển khai thực hiện Phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

- Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam Trình phương án cổ phần hóa lên Ban Chỉ đạo, Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp: Ngày 15/10/2019.

- Đề nghị Ban Chỉ đạo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa đơn vị: Trước ngày 20/10/2019.

- Xây dựng hồ sơ công bố thông tin: Từ ngày 15 đến 20/10/2019, sau khi có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của UBND tỉnh.

- Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng các nội dung liên quan, cần thiết trước khi tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu cho các nhà đầu tư thông thường: Từ ngày 23/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

- Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu cho các nhà đầu tư thông thường: Trong khoảng thời gian từ 26/10/2019 đến 26/11/2019.

- Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho người lao động: Từ 27/11/2019 đến 30/11/2019.

- Bán tiếp cổ phần trong trường hợp chưa bán hết của cuộc đấu giá công khai và người lao động: Từ ngày 01/12/2019 đến 05/12/2019

- Xử lý những vấn đề tồn tại trước khi chuyển đổi chính thức sang công ty cổ phần: Trước ngày 12/12/2019

- Xây dựng hồ sơ và tổ chức đại hội đồng cổ đông lần đầu: Từ 15/12/2019 đến 28/12/2019.

- Đăng ký kinh doanh thành lập công ty cổ phần: Trước ngày 31/12/2019.

- Chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần: Từ ngày 01/01/2020.

Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi, Trung tâm sẽ trình cơ quan chủ sở hữu xem xét, quyết định.

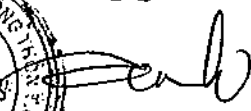
II. KIẾN NGHỊ

Để nhanh chóng chuyển Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam thành Công ty cổ phần như kế hoạch đã đề ra, Trung tâm kiến nghị Trưởng Ban chỉ đạo, Sở Tài chính, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp quan tâm xem xét trình cấp thẩm quyền sớm phê duyệt Phương án Cổ phần hoá trình bày trên đây, để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Trân trọng kính trình!

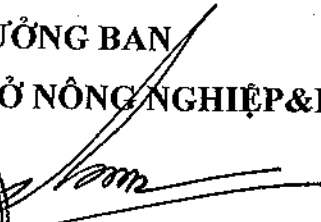
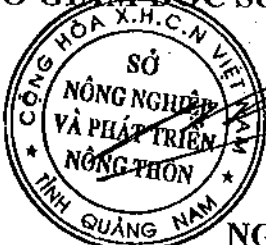
Quảng Nam, Ngày 15 tháng 10 năm 2019

**ĐẠI DIỆN CỦA
TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM**

GIÁM ĐỐC


BUI QUANG MINH

**ĐẠI DIỆN CỦA
BAN CHỈ ĐẠO TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM
TRƯỞNG BAN
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**



NGÔ TÂN